

2. Nghiên cứu

Vương quốc Chiêm Thành

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 12-15, 103-104

Tác giả: Maspéro

Dịch giả: Lưu Quang Sang

Xứ sở và dân cư

Địa thế

Trung kỳ gồm nhiều vùng bình nguyên nhỏ bé nối tiếp chạy dài trên một dải đất chật hẹp nằm giữa dãy núi Trường Sơn và bờ biển đông hải của bán đảo Đông Dương: ở miền Nam có Tỉnh Bình Thuận với ba vịnh Phan Thiết, Phan Rí và Phan Rang. Tiếp đến là các tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi và Quảng Nam với vô số hải đảo gập gềnh và vũng nước sâu thẳm. Sau nữa là các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị và Quảng Bình với nhiều đầm nước mặn, song chỉ có các cửa sông là những nơi thuận tiện cho tàu bè ẩn trú. Cuối cùng là hai tỉnh Nghệ An và Thanh Hóa. Ở đây, bờ biển thuận lợi hơn và đồng lúa phì nhiêu hơn.

Đời sống ở xứ này không được sung túc, tuy đất đai có phần màu mỡ, vì nhiều lý do: biển thường xuyên động, hải cảng ít an toàn, đường giao thông trắc trở, nên canh tác chật hẹp. Nhưng chính tại dải đất này, xưa kia, một quốc gia cường thịnh đã một thời vang danh trên khắp 5 Châu: đó là NAGARA CAMPA¹ tức VƯƠNG QUỐC CHIÊM THÀNH.

¹ Nagara Campa – Quốc gia Champa. Chữ Champa trong tiếng Phạn là tên của một loài hoa màu trắng và rất thơm (Michelia Champa). Ở Ấn độ thời xưa danh từ đó chỉ một vương quốc chiếm cứ vùng Bhagalpur bây giờ. Bi ký Cambhuvarman (Mỹ Sơn, không rõ ngày tháng) có ghi danh từ

Khí hậu

Các sử giả Trung Quốc mô tả khí hậu xứ này như sau: nóng nực nhưng điều hòa, mùa đông không quá lạnh nhưng trời có nhiều sa mù và thường mưa; ban đêm có nhiều sương giúp cho cây cối được xanh tươi quanh năm và giúp cho dân chúng có rau ăn bốn mùa.

Thổ sản

a). *Nông sản*: Ở xứ Chàm chỉ có các thung lũng là nơi trồng lúa được nhưng lại hiếm hoa. Người Chàm ít trồng lúa trái lại họ trồng nhiều hoa màu phụ như đậu xanh, cà, dưa chuột, đậu trắng, vừng, cây gai và ngô. Người ta cũng trồng nhiều cây ăn trái như chuối, dứa, hạt tiêu. Người ta cũng trồng nhiều trái cau. Nước cốt trái cau thường được dùng để nấu rượu.

Trong các ao đầm, có nhiều loại sen và nổi tiếng hơn hết là sen thị trấn Indrapura tức là vùng Đồng Dương (Quảng Nam) bây giờ. Dọc theo bờ sông hay trong các vũng nước mặn có nhiều cây thốt nốt mà người ta dùng lá để lợp nhà. Trên đất khô người ta trồng cỏ lát và cây gỏi dùng để dệt chiếu. Ngoài ra còn có nhiều loại cây cỏ khác để đánh dây hay đan các thứ đồ dùng thông thường như mũng, sà, nia, nón v.v...; những đồ đan này rất mịn và đẹp.

Người Chàm, theo ông TCHAO JOU KOUA, không trồng trà. Vì họ chưa biết dùng trà chứ không phải vì đất của họ không trồng được cây trà.

Người Chàm cũng có trồng dâu để nuôi tằm và trồng cây bông vải để dệt vải. Theo như người Trung hoa kể lại

Champa như là một quốc gia. Bia khắc đề năm 579 saka (Mỹ Sơn) gọi vua VIKRANTAVARMAN đệ I là "Gri Campapura paranecvara" có nghĩa là lãnh chúa thị trấn Champa. Sau hết một bản văn Chân Lạp năm 519 c = 667 sau TL cho biết SIMHADEVA, bộ trưởng đời vua Mahendravarman, được gửi đi làm sứ thần bên cạnh "lãnh chúa xứ Champa".

Nghiên cứu

thì những búp bông vải ở thời kỳ tăng trưởng của nó mịn và trắng như lông tơ của con ngỗng. Người ta dùng bông vải để kéo sợi rồi dệt thành từng tấm vải. Dệt xong họ đem giặt cho thật sạch, sau đó nhuộm thành màu ngũ sắc hoặc rằn sọc trong rất đẹp mắt.

b). Lâm sản: Vùng rừng núi là những kho tàng quý giá có nhiều danh mộc như mun, kỳ nam, xạ hương, đinh hương, long não và quế. Có một thứ hương đặc biệt mà người Trung Quốc gọi là “Tchen Mou”. Các du khách Trung Quốc cho biết cách đốn cây này như sau: người ta chặt cây tươi xong đem chất thành đống tại một nơi chờ đến khi vỏ cây và thân cây mục hết, chỉ còn lại gỗ lõi ở trong, người ta đem thả dưới nước thì chìm ngay, do đó được gọi là trầm hương (Le parfum qui s'immerge). Còn thứ hương nổi trên mặt nước gọi là tấc hương (??? le parfum qui flotte). Trầm hương quý hơn tấc hương.

Ở trên ngọn núi cao, nếu chịu khó, người ta tìm ra cây đậu khấu (cardamome) giá đắt như vàng. Người ta còn tìm được cây hồi hương và cây lô hội. Ngoài ra còn có các thứ cây dùng làm đồ đan như tre, mây và nứa. Mật ong rừng cũng không thiếu. Người ta lấy sáp ong về nấu đặc lại trong tô hay chén gỗ ra thành từng bánh để dùng.

c) Khoáng sản: Những tài nguyên chính của xứ sở vẫn là kim khí và khoáng sản. Vàng không hiếm. Người Trung Quốc kể lại một cách thích thú rằng có một hòn núi vàng. Tất cả những viên đá ở núi đó toàn một màu hồng, ở giữa viên đá có thoi vàng. Dưới sông cũng có vàng. Muốn lấy vàng người ta phải đắp cho sông cạn.

Các loại đá quý cũng nhiều nhưng thật ra không có giá trị mấy. Dưới thời vua Chàm, Phạm Đầu Lê (629) có gửi tặng hoàng đế Trung Quốc Lý Uyển những viên đá quý to bằng trứng gà và trong như phalê. Những viên đá đó khi được gói trong lá khô ngải (absinthe) thì thường phản chiếu những tia sáng như ánh lửa.

Nghiên cứu

Ngọc lưu ly (la pis lazuli) và hổ phách là vật quý mà vua Chăm thường gửi đi cống vua Tàu và nước Nam. Trong các thứ bảo thạch, người ta có thể kể thêm các loại sa thạch dùng mài gương giáo và các loại bén nhọn khác. Loại đá “boddhisatva” mặt rất nhẵn có lẽ là thứ đá thường dùng tạc các pho tượng.

d). *Động vật*: Cũng như ngày nay, loài thú ít thay đổi. Ở vùng cao nguyên, voi thường sống trong các khu rừng già. Người Chăm nuôi voi để chiến đấu và vận tải. Ngà voi là vật quý báu trong ngành thương mại.

Con tê giác (tây ngưu) ưa sống trong đồng cỏ cao và rừng rậm. Sừng tê giác là dược liệu quý giá rất cần thiết cho Đông Y Khoa. Cũng như voi và nhất là bạch tượng, tê giác là súc vật quý báu dùng làm lễ vật cống hiến các vị hoàng đế Trung Quốc và Việt Nam.

Như ngày nay, cọp lan tràn khắp nơi. Vua Chiêm Thành Chế Bồng Nga đã có lần gửi cọp sang cống nhà Minh bên Tàu. Một vài sử liệu Trung Quốc cũng nói rằng ở xứ Chăm có sư tử. Loài vật này thường được gửi sang Trung Quốc và Đại Cồ Việt. Nhưng, có lẽ đây là một sự lầm lẫn về danh vật của những biên niên sử Trung Quốc và Việt Nam, bởi vì theo sự hiểu biết của tôi, không bao giờ có sư tử ở Đông Dương. Vả lại, căn cứ hình thể điêu khắc sư tử của người Chăm và người Chân Lạp trên các pho tượng thì rõ ràng họ chưa bao giờ thấy con vật ấy.

Cũng có nói đến loài “nai trắng” trâu rừng và bò rừng. Giống khỉ rất nhiều. Một loài khỉ có tên “Cheng Cheng rất đặc biệt: nó nghe được tiếng người và môi của nó là một món cao lương mỹ vị”.

Rừng có đầy công và loài vẹt lông trắng hay lông ngũ sắc, các vị hoàng đế lân bang rất bằng lòng và khen ngợi khi nhận được vẹt làm cống lễ. Họ rất lấy làm thích thú được nghe vẹt nói chuyện và đã có một con vẹt biết ngâm thơ để mừng nhà vua. Năm 613, vua Chăm, Kandapa Dharma, gửi tặng hoàng đế Trung Quốc một số vẹt, nhưng

Nghiên cứu

chúng không chịu nổi phong thổ quá lạnh của xứ này nên vua đã truyền cho sứ thần đem chúng trả lại xứ Chàm.

Về gia súc thì chỉ nói đến voi và bò (người Tàu xưa kia hay lẫn lộn trâu và bò, có lẽ thời đó người Chàm cũng đã có nuôi trâu rồi).

Ở xứ Chàm xưa kia không có ngựa.² Hoàng đế Trung Quốc thỉnh thoảng cũng có nhã ý gửi ngựa tặng vua Chàm. Một khi đã biết sử dụng ngựa, vua Chàm tìm cách mua ngựa của Trung Quốc nhưng bên Tàu ngựa là gia súc cấm xuất cảng.

e). Hải sản: Dưới biển có nhiều loại san hô và ngọc trai vô cùng quý giá.

Là những tay chài lưới lành nghề đồng thời là những thủy thủ đầy gan dạ, người Chàm ngang dọc đánh cá đủ loại khắp miền duyên hải. Ngoài ra họ còn rình bắt rùa biển. Mai rùa bán rất có giá.

Dân số

Dân số người Chàm không đông lắm³ và có lẽ không bao giờ lên đến hai triệu rưỡi người là dân số của Trung kỳ bây giờ không kể Thanh hóa và Nghệ An⁴.

² Sách “*Ngũ Đại Hội Yếu*” cổ ghi: “quân Chiêm Thành cỡi voi và ngựa”.

³ Các sách Song-se và Wen Hien T’ong Ka’o có ghi rằng: dưới triều vua Hariwarman đệ IV và đầu thế kỷ thứ VII cả 36 tỉnh Chàm chỉ gồm có 30,000 gia đình. Như vậy, dân số toàn quốc chỉ lên tới 200,000 người mà thôi.

⁴ Niên giám phổ thông của Đông Dương năm 1907-1908 (Hà Nội – Hải Phòng, nhà in Viễn Đông) cho biết, những con số chính thức về dân số như sau: 2,624,000 Việt; 119,675 Thượng và 15,000 Chàm. Tổng cộng là: 2,758,875 người được phân phối như sau:

Tỉnh	Việt	Thượng	Chàm
Quảng Bình	114,500	10,000	
Quảng Trị	230,000		
Thừa Thiên	80,000		
Quảng Nam	886,000		

Nghiên cứu

Dân tộc và nguồn gốc

Người ta chia dân tộc Chăm ra làm hai giống: giống Chăm và giống Thượng. Người Chăm xưa kia gọi giống người ở Cao nguyên là Mlecchas có nghĩa là “người rừng núi”⁵ hay là Kiratas “người núi”⁶. Người Chăm ở vùng Phan Rang được gọi là “Velas”⁷. Giống người Ra-ndai ngày nay gọi là Radê sống trên những miền Thượng Du giáp giới Khánh Hòa và Phú Yên. Còn ở Bình Định thì có giống người Mada; giống người này có lẽ là nguồn gốc của người Djarai bây giờ.

Trên bình diện nhân chủng học, có lẽ các giống người này đều thuộc giống Chăm⁸.

Người Chăm hình như thuộc giống người Malayo Polynesian. Tuy không có đầy đủ những chỉ dẫn chính xác về phương diện dân tộc học song ngày nay người ta có thể căn cứ vào các yếu tố ngôn ngữ học mà suy ra như thế. Ngôn ngữ Chăm bây giờ không mấy cách biệt ngôn ngữ thông dụng mà người ta đã dùng khi khắc trên các văn bia thời trước⁹, do đó có nhất định có liên lạc mật thiết với tộc ngữ Malayo Polynesian mặc dù có vay mượn ít nhiều tiếng

Quảng Ngãi	150,000	40,000	
Bình Định	800,000		
Phú Yên	200,000	75	
Khánh Hòa	75,000	40,000	
Ninh Thuận	30,000	7,500	6,000
Bình Thuận	58,200	22,000	9,000
Cộng	2,624,000	119,675	15,000
Tổng cộng	2,758,875		

⁵ Văn bia Tháp Bà Nha Trang (1,092 (?)- 1,070 sau TL).

⁶ Tiếng Kirata chỉ một sắc dân Thượng ở Ấn Độ.

⁷ Po Ina Nagar Phan-Rang.

⁸ Tiếng nói của người Jerai, Radê, Pnong Piak và một vài câu lạc bộ khác sống trên các vùng Đông Nam dãy núi Trường Sơn rất gần với tiếng Chăm.

⁹ Thế kỷ thứ XI triều Vua Harivarman đệ I.

ngoại lai.

Ngoài ra người ta còn căn cứ vào hình dáng mà các du khách Trung Quốc đầu tiên mô tả người Chàm nước da đen, mắt sâu, mũi hếch, tóc quăn để hỗ trợ cho giả thuyết này.

Cách phục sức

Người Chàm xưa kia cũng như bây giờ ăn mặc không khác người Mã Lai; đàn ông và đàn bà đều vấn khăn “*kama*” bao quanh châu thân; mùa đông họ mặc thêm một loại áo dài khá dày.

Nếu giới bình dân đi chân không thì giới quý tộc lại mang giày bằng da. Đàn ông và đàn bà đều bới tóc thành búi và búi tóc của đàn bà giống hình chiếc búa. Đàn bà xỏ lỗ tai và đeo những chiếc vòng.

Cũng như người Mã Lai, người Chàm rất sạch sẽ: mỗi ngày họ tắm rửa nhiều lần, dùng một loại thuốc cao chế bằng xạ hương và long não để chà mình. Họ thường xức nước hoa. Họ tắm thơm áo quần với một hợp chất chế tạo bằng nhiều loại hương mộc.

Văn hóa

Khi người Chàm xuất hiện trong lịch sử vào đầu thế kỷ thứ II sau TL, họ đã sống dưới triều đại Ấn Độ hóa rồi, và văn bia Võ Cạnh khắc bằng tiếng Phạn chứng tỏ rõ ràng là người Chàm đã hấp thụ sâu đậm nền văn hóa Ấn Độ. Đó là lẽ thông thường bởi vì người Ấn Độ đã du nhập xứ Chàm trễ lắm là vào tiền bán thế kỷ thứ II sau TL. Ptolemee có khi ghi lại những danh từ địa lý gốc tiếng Phạn trong tập sử liệu của ông viết vào khoảng năm 150 sau TL liên quan đến những xứ mà người ta tin là thuộc Đông Dương và một vài hải đảo Nam Dương. Người Trung Quốc cũng có lưu truyền lại những huyền thoại của nước Phù Nam¹⁰ phản phát những

¹⁰ Phù Nam theo sử liệu Trung Quốc là một quốc gia gồm các phần đất hiện thời của Nam Kỳ, của Cao Miên và có thể của Đông Xiêm và của Hạ Lào nữa.

Nghiên cứu

dấu tích chứng tỏ đã có một cuộc du nhập đầu tiên của người Ấn Độ vào thế kỷ thứ I sau TL. Sau đó lại có cuộc du nhập thứ hai do Kaurdinya hướng dẫn vào thế kỷ thứ IV.

Chẳng bao lâu dân tộc Chăm hấp thụ hoàn toàn nền văn minh của Ấn Độ và chịu ảnh hưởng Ấn Độ rất sâu đậm trên mọi lãnh vực: tôn giáo, tập quán, văn tự, tư tưởng, hành chánh và luật lệ.

Vương quốc Chiêm Thành

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971 trang 32 - 36
(tiếp theo Ước Vọng số 1)

Lưu Quang Sang
(viết theo Maspéro)

Tín Ngưỡng Và Tôn Giáo

Mặc dầu dân tộc Chăm đã có một số tín ngưỡng, phong tục tập quán cổ truyền địa phương từ trước, nhưng đến khi tiếp xúc với nền văn minh Ấn Độ và Ả Rập, trong xã hội Chăm mới đặt thành vấn đề tôn giáo.

a). *Bà-La-Môn giáo*: Tôn giáo chính và có lẽ là Quốc giáo của người Chăm. Họ sùng bái duy nhất hoặc hỗn hợp Ba Ngôi Thần (TRIMURTI): BRAHMÂ - Thần Sáng Tạo, VISNU - Thần Bảo Tồn, CIVA - Thần Hủy Diệt.

Tuy người ta sùng kính các vị thần đó một cách trung thành, nhưng ở xứ Chăm cũng như Campuchia và Ấn Độ, hai vị thần Brahmâ và Visnu không được tôn sùng bằng Civa và các vị thần có liên hệ với vị thần Civa.

Theo quan niệm giáo thuyết Ấn Độ, Ba Ngôi Thần có một thân hình đồng thể, nhưng có ba cái đầu tượng trưng cho sự tổng hợp quyền bính của đấng Thượng đế: sáng tạo, bảo tồn và hủy diệt. Ngoài ba vị thần thượng đẳng trên còn có vị nữ thần Cakti, đó là Uma vợ của Civa và Lakemi vợ của Visnu.

Nghiên cứu

Tuy là đệ tam Thần, song Civa được coi là chúa tể của vũ trụ. Hình tượng Civa được mô tả muôn hình vạn trạng. Ngài là đấng đã vượt khỏi lời nói và tư tưởng và có rất nhiều đặc tính khác nhau tùy theo vai trò mà danh tánh hay hình tượng của ngài được biến hóa.

- Dưới danh hiệu Maha Dewa-Đại Thiên, Civa là một đấng Từ Bi, Từ Thiện và Vô Hình.

- Dưới danh hiệu Rudra, ngài là hiện thân của sức mạnh phá hủy và tiêu diệt vũ trụ, nhưng sự hủy diệt ấy cốt là để bắt đầu sáng tạo lại vạn vật mới, theo quan niệm sự chết đi là cần thiết để tạo sự sống khác. Sự biểu lộ bản thể của Ngài thường được tượng trưng bằng hình Dương Vật-Linga hoặc cả Dương Vật lẫn Âm Vật-Linga và Yôni tổng hợp.

- Mặc dầu bản thể của Civa được biểu lộ dưới nhiều hình thức khác nhau, nhưng bất cứ biểu lộ nào của Ngài cũng có hình ảnh của Cakti, tượng trưng bằng các bộ phận riêng biệt của đàn bà vì vậy được mô tả theo lưỡng tính, hình thức ái nam ái nữ, nghĩa là có vú đàn bà và bộ phận sinh dục đàn ông, đó là đặc tính nguyên lý sinh dục.

- Hình dáng thông thường của Civa có lẽ là Nataraja, hình tượng trình bày các động tác nhảy múa, có khi có đến năm cái mặt, bốn con mắt, bốn hay sáu cánh tay.

Tại xứ Chàm cũng như ở xứ Campuchia và cả bên Ấn Độ nữa, thần Visnu tuy ít được sùng bái hơn thần Civa nhưng vẫn có một số đền thờ dựng lên để ca ngợi ngài.

Trái lại thần Brahmâ, đệ nhất Thần trong Ba Ngôi Thần lại không có đền thờ riêng biệt.

Như trên đã nói, Balamôn giáo phát xuất từ Ấn Độ, nhưng khi du nhập xứ Chàm bị tín ngưỡng địa phương chi phối đã biến thể nên mang sắc thái đặc biệt Chàm như ngày hôm nay.

b). Phật giáo: Khi đã tiếp nhận văn hóa Ấn Độ, một dân tộc có nhiều tôn giáo khác nhau, dân tộc Chàm cũng không tránh khỏi điều đó. Người ta đã tìm thấy ở xứ Chàm có nhiều dấu vết Phật giáo.

Nghiên cứu

Căn cứ vào các văn bia và những di tích đền đài nguy nga ở Đồng Dương (Quảng Nam) cùng các di tích lịch sử ở nhiều nơi khác, người ta xác nhận có một thời dân tộc Chăm đã theo Phật giáo và có lẽ tôn giáo này đã truyền vào xứ Chăm vào khoảng thế kỷ IV. Nhưng người ta lý luận rằng dù Phật giáo ở xứ Chăm có bành trướng và thịnh hành đến đâu đi nữa, cũng không thể được coi là đạo Phật thuần túy.

Nhà khảo cổ Coedès cho rằng, tại địa hạt Quảng Nam, các vùng Trà Kiệu, Mĩ Sơn, và Đồng Dương là những nơi Thánh Địa của xứ Chăm, nhưng riêng vùng Đồng Dương được coi là trung tâm Phật giáo quan trọng.

Louis Finot cho biết thêm tại Đồng Dương ở vào giữa những đền thờ các vị thần Ấn Độ giáo, ít nhất cũng có một ngôi đền thờ Đức Phật. Trong số những dấu vết Phật giáo tìm thấy tại đây, phần đáng chú ý là một pho tượng Phật đứng đúc bằng đồng, một trong những pho đẹp nhất thuộc Trường Mĩ thuật Amaravati bên Ấn Độ, hiện được trưng bày tại Viện Bảo Tàng Sài Gòn.

Ở Bình Định người ta cũng tìm được một pho tượng Phật nhỏ bằng đồng và được công nhận là tượng Bồ Tát ngồi trên con rắn Naga 7 đầu chụm lại và uốn vòng cao lên làm thành cái tán che đầu pho tượng.

Tại động Phong Nha (Quảng Bình) người ta cũng tìm được một pho tượng Phật nhỏ khác, có hình dáng Bồ Tát hoặc Quan Thế Âm.

Theo tài liệu của Yi-Tsing, một nhà sử Trung Quốc (634-713) thì đạo Phật được truyền sang xứ Chăm thuộc phái Tiểu Thừa hoặc Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa.

Nhưng các nhà khảo cổ, sau khi nghiên cứu các cổ bia Chăm từ trước cho đến thế kỷ IX-X đều công nhận Phật giáo tại xứ Chăm theo phái Đại Thừa và có pha lẫn với Đạo Civa, cho nên việc hành giáo ở đây hay bị lằng lảnh giữa Bà-La-Môn giáo và Phật giáo.

Ngoài ra các giáo thuyết được ghi khắc trên các bia Chăm đều có nói đến thuyết luân hồi, lòng từ bi bác ái, đức quảng đại, sự hy sinh một cách rõ rệt.

Tóm lại, trong thời kỳ bành trướng tại xứ Chàm, Phật giáo đã gặp phải sức mạnh của quốc giáo – đạo Bà-La-Môn, cho nên Phật giáo không tạo được thế đứng mạnh mẽ và lâu dài như ngày hôm nay ở các nước Campuchia, Miến Điện, Thái Lan, Tích Lan...

c). Hồi giáo: Người ta phỏng đoán Hồi giáo du nhập vào lãnh thổ Chàm hồi thế kỷ X, hoặc trực tiếp bởi các nhà hàng hải, thương gia Ả Rập hoặc qua trung gian của những người Mã Lai và những người miền Tây các hòn đảo Indonésia. Nhưng độ khoảng thế kỷ XIV-XV thì mới có một số người Chàm cải đạo cũ theo Hồi giáo thật sự.

Sử Tàu, đời nhà Tống, có nói qua vì sự hiện diện của Hồi giáo tại xứ Chàm. Tại cực Nam xứ Chàm, vùng Phan Rang và Phan Rí cũng có hai cái bia Chàm nói đến sự kiện này.

Người ta cũng cho rằng không phải người Chàm theo Hồi giáo trước năm 1470, năm đánh dấu sự sụp đổ vương quốc Chiêm Thành. Người ta đưa những lập luận dựa trên các dự kiện lịch sử sau đây để dẫn chứng nhận xét trên.

Hiện nay có 2/3 người Chàm đang sống tại các tỉnh miền nam Trung Việt hãy còn theo đạo Bà-La-Môn, và trái lại tất cả người Chàm đã rời bỏ đất đai cũ của họ di cư vào Nam và sang Campuchia đều trở thành người Hồi giáo hoàn toàn. Tại đó đã có người Mã Lai sống từ lâu, họ cũng cùng nguồn gốc với người Chàm. Phải chăng người Mã Lai này đã dùng tình cảm mà lôi cuốn số người Chàm “lưu vong” nay cải đạo cũ của họ là Bà-La-Môn mà theo đạo mới là đạo Hồi. Rồi từ đó người những Chàm “lưu vong” này vì tinh thần truyền bá đạo giáo, đã trở về quê hương cũ, mang theo giáo thuyết của Mohamad truyền bá lại cho những người cùng giống với mình. Nhưng có lẽ sự truyền đạo của họ không có kết quả nhiều nên số người Chàm còn lại tại các tỉnh miền Nam Trung Việt chỉ theo đạo Hồi có độ 1/3 mà thôi và sự hành giáo theo đạo Hồi còn bị ảnh hưởng Bà-La-Môn giáo chi phối nữa.

Nghiên cứu

Hiện nay, tại Ninh Thuận và Bình Thuận Hồi giáo Chăm mang một sắc thái đặc biệt liên hệ chặt chẽ với Bà-La-Môn giáo trong một vài nghi thức hành giáo. Ngược lại Bà-La-Môn giáo cũng lệ thuộc rất nhiều vào Hồi giáo mà người ta thường gọi là đạo Bani.

Phải chăng những sự liên hệ mật thiết này giữa hai đạo giáo đã là nền tảng của một sự đoàn kết sâu đậm giữa hai nhóm người Chăm khác đạo.

Xin hãy chấm dứt!

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 23 -28

Jata Aneh

Hẳn không ai quên được trận ác chiến khủng khiếp đã diễn ra trên mảnh đất hiền hòa cần cỗi này cách đây không đầy một năm giữa ba tay “*lục lâm mã thượng*”. Một trận giặc đã khốc liệt trong quá khứ, đang ngấm ngấm nhưng dữ dội trong hiện tại và sẽ lê thê trong tương lai. Một trận giặc không ngày mai và có thể không bao giờ kết thúc. Đó là cuộc chạy đua vào nhà lập pháp tranh giành giữa ba cao thủ võ lâm đa mưu túc kế là các ông X. M. C.

Một khía cạnh đặc biệt khác đáng chú ý của trận chiến này là nó mở màn bằng một cuộc thương nghị trong khi chiến tranh thường kết liễu bằng hòa đàm. Cuộc thương nghị này sở dĩ có là do một số giới trẻ yêu cầu. Giới trẻ hay ưu tư. Họ mong mỗi có cuộc nói chuyện dàn xếp giữa ba “chàng ngự lâm pháo thủ” này để chọn một chàng đơn phương ra ứng cử hầu tránh cảnh khốn nạn “gà nhà bôi mặt đá nhau” trước những tiếng cười hả hê của những người ngoài cuộc. Hơn nữa, đồng bào Chăm ở Ninh Thuận vốn dân số ít cho nên hầu hết đều quen biết thân tình với nhau hoặc do liên hệ gia đình hoặc do liên hệ xã hội. Do đó việc ba vị đều ra tranh cử ắt sẽ gây một tình trạng xáo trộn gay go mà chính thanh niên phải chịu nhận lãnh những hậu quả

khủng khiếp về sau. Thanh niên ý thức rõ ràng, muốn xây dựng xã hội, phải có một sự đoàn kết thật sự chứ không phải thứ đoàn kết “rao hàng”. Họ đương bước những bước đi chập chững và vất vả đến chỗ đoàn kết đó thì một cơn gió lốc bốc lên làm tan tành giấc mộng tha thiết của họ. Cơn gió lốc ác liệt đó là cuộc bầu cử dân chủ vừa qua. Nói như thế không phải chúng tôi phủ nhận giá trị cao đẹp của chế độ dân chủ: có dân chủ mới có tiến bộ và một dân tộc càng chậm tiến càng cần đến dân chủ. Nhưng có một điều chúng tôi không thể nào không thốt lộ được là dân chủ đã đến với người Chăm quá đột ngột, nó đã đến “*quá sớm trong một thế giới quá già*”. Nếu không có cuộc bầu cử dân chủ vừa qua, có thể tình trạng xã hội Chăm đã không đến nỗi rối rắm như ngày nay.

Vì ý thức hiểm họa chia rẽ ấy nên thanh niên đã lên tiếng đề nghị có cuộc sắp xếp giữa ba ứng cử viên tuy rằng họ thừa hiểu sự đề nghị ấy hoàn toàn vô lý. Vâng, vô lý lắm: một người cương quyết muốn thử thời vận trước thân đen đỏ chẳng bao giờ tin rằng mình sẽ thất. Thế mà đem phần “tưởng thắng” của mình dâng hiến cho kẻ khác thì ôi thật là điên rồ. Tâm tư các vị ứng cử viên cũng tương tự như vậy. Nhưng có mưu mới có thành, chúng tôi cứ đề nghị... Thế rồi việc gì đến đã đến: cuộc thương nghị thất bại nào nề. Ba cao thủ quyết tâm tranh sức so tài oai phong lẫn liệt ra đi, hẹn ngày tái ngộ trên bước giang hồ hiệp khách.

Rồi hồi chuông khai chiến rống lên làm mọi người bàng hoàng như vừa tỉnh cơn ác mộng. Giai đoạn đầu là giai đoạn chiêu binh. các tay cao thủ ai nấy lo chiêu dụ hiền tài, lập quân tạo tướng.

Đa số các thanh niên trí thức cũng như công chức đều tình nguyện qui nhập môn phái ông M. Một hành động vội vàng và thiếu cân nhắc chăng? Thưa không. Thanh niên ý thức điều họ làm và làm điều họ ý thức. Ứng cử viên M. trước mắt họ là người xứng đáng nhất về khả năng cũng như về quá trình hoạt động xã hội, là người thường gặn gủi giới trẻ, có thể tạo được nhịp cầu thông cảm giữa giới thanh niên

Nghiên cứu

và giới lớn tuổi. Vả lại ông là người biết nghe tiếng nói của thanh niên, do đó giới trẻ tin rằng tư tưởng và khuynh hướng của họ sẽ được thể hiện một phần nào qua vai trò lãnh đạo của ông M. Thanh niên nghĩ và tin như vậy cho đến khi nào thực tế trái ngược làm họ thất vọng thì lúc bấy giờ họ sẽ thay đổi thái độ đối với người họ đã chọn lựa. Nhưng đây là việc mai sau, xin để hạ hồi phân giải còn trong hiện tại cứ ủng hộ ứng cử viên M. cái đã! Nhưng phải thành thực mà nhận rằng sự lựa chọn của chúng tôi quá ư giới hạn: chỉ có những cái tương đối để chọn thì phải chọn cái tương đối tương đối khá hơn. Chúng tôi đã ở cái thế chẳng đặng đừng.

Ngoài ra có dư luận cho rằng thanh niên ủng hộ ông M. là để đền ơn đáp nghĩa ông ta đã có công hướng dẫn họ trên đường học vấn. Vâng, chúng tôi công nhận ông M. đã có công đáng ghi ơn đối với chúng tôi lúc chúng tôi còn cấp sách đến trường. Nhưng cho rằng đó là lý do duy nhất thúc bách chúng tôi ủng hộ ông ta thì quả người ta hiểu quá lệch lạc và nông cạn về chúng tôi. Ở thời buổi này, nếu còn ai nghĩ rằng thanh niên hành động chỉ vì ơn nghĩa thì thật là ngây ngô quá. Anh em chúng tôi khi quyết định việc gì cũng biết gạt bỏ tình cảm một bên để chấp nhận *lẽ phải*. Ông A là người bà con thân quyến mà bạn quý mến vô cùng, ông A ra tranh cử dân biểu, bạn bỏ phiếu cho ông B là người xa lạ không chút liên hệ tình cảm với bạn bởi lẽ ông B xứng đáng hơn ông A. Thế là bạn đã quyết định theo *lẽ phải* rồi đấy. Cái tệ hại của xã hội này là sự khiếm khuyết ánh sáng lý trí trong mọi việc xét suy, do đó thường đưa đến những nhận định lệch lạc mù quáng: ông A là người mất dạy nhất, ông B xấu chỉ vì ông B là người của phe khác trong khi ông B là người có giáo dục nhất. Nói cách khác sự nhận xét không mấy may tương quan đến đối tượng của nó mà chỉ tương quan đến cái “mình” và cái “người ta”: hễ cái “mình” là đúng là hay, dù đó là cái ngu xuẩn nhất thế gian, hễ cái “người ta” là sai là dở, dù đó là cái khôn ngoan nhất thiên hạ. Chúng tôi cầu khẩn cho cái “chủ qua bệnh hoạn” đó sớm cáo chung ở xã hội quá đau thương này để mọi người

suy nghĩ đúng hơn và nhận xét chính tề hơn. Chúng tôi xin đóng ngoặc ở đây để trở về trận địa.

Đạo quân của ông M. khá hùng hậu nhưng phần đông gồm những thành phần “xét lại”, không nhất nhất tuân hành triệt để chỉ thị của thủ lĩnh nên cuộc chiến đấu có vẻ hơi hợt. Binh sĩ của ông X. tuy ít hơn vì lượng nhưng hăng say chiến đấu, sẵn sàng lao mình như những con thiêu thân say ánh đèn. Chẳng bao giờ họ dừng bước để đặt lại vấn đề. Nhưng họ có vấn đề gì đâu ngoài vấn đề phải thắng dù phải trả bất cứ giá nào! Đoàn quân quyết thắng của ông khiến người ta liên tưởng đến đạo binh Thánh chiến. Họ rần rần rộ rộ kéo nhau đi khắp đó đây, không nơi nào không có họ. Còn ông C. chẳng thua kém ai, cũng có binh giỏi tướng tài nhưng lại ít khi thấy xuất hiện. Đoàn quân du kích của ông âm thầm lặng lẽ ra đi đột kích trên khắp nẻo đường hẻo lánh xa xôi để rồi mang về những chiến thắng vẻ vang (phiếu ông dẫn đầu ở Du Long và Song Pha)

Nói về chiến thuật và chiến lược thì mỗi thủ lĩnh có đường lối riêng. Nếu ông X. tấn công ồ ạt, giáng những đòn quyết tử thì ông M. đi thế “cương nhu” lúc quyết liệt lúc rụt rè càng lúc càng tạo cho đối phương nhiều bước tiến thuận lợi hơn. Trong khi đó ông C. thủ thế “án binh bất động” “trâu bò húc nhau ruồi muỗi nhờ”.

Thế theo chiến thuật trên thì quả những trận ác chiến chỉ xảy ra giữa tướng M. và tướng X. Cứ tướng M. lâu lâu đưa ra một độc chưởng thì tướng ít [X] lại tung ra nhiều ác chưởng trong số phải kể chưởng độc đao vô tiền khoáng hậu của tướng ta là chưởng “*đá què giò*”. Cứ như thế trận chiến mỗi ngày mỗi leo thang để rồi cuối cùng ngã ngũ mang lại phần thắng cho ông X.

Có lẽ độc giả phân vân hỏi rằng vì sao chúng tôi khơi lại chuyện đã qua rồi. Thưa quý vị, lý do rất đơn giản.

Cuộc bầu cử vừa qua đã gây cho đồng bào Chàm một cái ung nhọt nhức nhối, ung nhọt mà chúng tôi hy vọng đồng bào Chàm bạn cũng như nghịch, cùng chung sức mổ xẻ ra để chữa cho lành. Có như vậy mới hy vọng hàn gắn một

Nghiên cứu

phần nào những vết thương lở loét trong lòng mọi người, có như vậy mới tạo lại được hòa khí cổ truyền đã có từ ngàn xưa và có như vậy mới vãng hồi lại được sự đoàn kết huynh đệ rồi từ đó chúng ta cùng nhau xây dựng lại một xã hội người Chăm lành mạnh và tiến bộ hơn.

Trong cuộc bầu cử vừa qua, chúng tôi buộc lòng phải nói, các vị ứng cử viên đã tận dụng những phương tiện quá hiểm độc, đã đưa ra những luận điệu quá tàn nhẫn để vận động tranh cử, những luận điệu mà chúng tôi không đủ can đảm đan cử ra đây. Nhưng xin quý vị ứng cử viên yên tâm: chúng tôi không than trách quý vị đâu. Quý vị ra tranh cử hẳn với mục đích cao quý của quý vị rồi, nào ích nước lợi dân, nào xây dựng xã hội, nào đoàn kết dân tộc, nào... chính vì thế nên quý vị đã đặt nặng vấn đề cứu cánh mà không mấy may lưu tâm đến các phương tiện “mà!” Vả lại có cuộc tranh chấp nào mà không tàn bạo. Âu cũng là định luật tàn nhẫn của mọi cuộc tranh giành. Bởi thế chúng tôi không trách cứ quý vị mà còn thông cảm nữa.

Nhưng có một điều chúng tôi không thông cảm được là trận chiến khốc liệt mà chúng tôi đã trình bày ở phần trên vẫn còn tiếp diễn ngấm ngấm âm ỉ. Nó tiếp diễn cho đến khi nào hỏi quý vị?

Quý vị đã toại nguyện cả rồi! Một vị ở cấp lập pháp, một vị ở cấp ở hành pháp. Thiết tưởng quý vị đã có sẵn trong tay những điều kiện thuận tiện nhất để xây dựng cho xã hội chúng ta. Quý vị còn chờ gì nữa mà không cùng nhau bắt tay thân hữu, quý vị còn chờ gì nữa mà không hợp tác chân thành với nhau để mang lại tia sáng hy vọng cho đồng bào chúng ta? Một lần nữa chúng tôi tha thiết kêu gọi quý vị nên vì quyền lợi chung của đồng bào, vì tương lai của con cháu mà dẹp bỏ mọi tị hiềm cá nhân, chung lo đại cuộc hầu cứu vãn sự suy sụp của xã hội chúng ta đã tàn tạ lắm rồi. Đây là tiếng kêu thống thiết của một số thanh niên đang băng khuâng trước hoàn cảnh. Xin quý vị cố gắng chấm dứt càng sớm càng hay cái trò tranh chấp hiểm nghèo giữa quý vị cho con cháu quý vị được yên lòng.

Đã đánh mất một dịp may hiếm có

Như trên đã nói, ông X đắc cử. Những người ủng hộ các ứng cử viên khác tất nhiên cảm thấy buồn vì “gà” mình thua. Anh em thanh niên cũng không tránh được tâm trạng đó. Tuy nhiên cái buồn của chúng tôi chỉ thoáng qua trong giờ phút đầu mà thôi, vì một cảm tưởng khác chân thành hơn đến xâm chiếm chúng tôi: đó là cái cảm khoái “sau cơn mưa trời lại sáng”. Đúng thế, chúng tôi buồn để mà vui thôi, và chúng tôi đã vui cái vui chung của người triền miên bận tâm đến các vấn đề chung của đồng bào chúng tôi mà can hệ hơn là vấn đề chia rẽ giữa một số người Chàm Hồi giáo và người Chàm theo đạo Bà-La-Môn. Nạn chia rẽ này chắc chắn không phải bắt nguồn từ những lý do tôn giáo. Xưa nay, giữa đồng bào Chàm Hồi giáo và Bà-La-Môn không hề có chia rẽ tôn giáo, mà chính nó bắt nguồn từ những lý do nhân sự. Thật vậy, có một số người, vì muốn mưu đồ riêng tư và cũng cố địa vị của mình, đã lợi dụng tôn giáo để gây chia rẽ. Họ đặt điều xuyên tạc trắng trợn chẳng hạn như: “người Chàm Bà-La-Môn ỉ thế đa số áp chế người Chàm Hồi giáo là thiểu số hoặc nhóm đa số luôn luôn âm mưu ám hại nhóm thiểu số để độc quyền chỉ huy” v.v ... Những luận điệu giả tạo đó dần dần làm cho người Chàm nghi ngờ và hiểu lầm nhau rồi cuối cùng gây cho nhóm thiểu số một cái mặc cảm không tốt đối với nhóm đa số.

ông X là người Hồi giáo tức thuộc thành phần thiểu số. Việc ông đắc cử dân biểu, theo chỗ chúng tôi nghĩ, có thể tẩy xóa được mặc cảm nơi một số người Chàm Hồi giáo và đồng thời có thể lấp được hố chia rẽ của giữa người Chàm. Đó là những lý do làm cho chúng tôi có phần phấn khởi khi ông ta đắc cử.

Trong lúc đó, dư luận của đa số người Chàm lại tỏ ra bất mãn đối với kết quả nói trên. Chúng tôi đã phải tìm cách thuyết phục bạn bè tin rằng sự hợp tác với ông X là phương cách duy nhất để mang lại đoàn kết thật sự. Bằng không thì

Nghiên cứu

tình trạng sẽ trở y như cũ. Có một số đồng thanh niên tin theo chúng tôi. Nhưng tại sao chúng tôi có thái độ như vậy? Tại vì hai lý do: thứ nhất, hợp tác với ông X không có nghĩa là theo cá nhân ông ta mà có nghĩa là giúp ông ta phục vụ công ích đúng theo lập trường xây dựng của thanh niên; thứ hai, thanh niên chúng tôi tuyệt đối tin ở tài khéo léo khôn ngoan của ông X về phương diện cư xử, xã giao là điểm vàng son duy nhất của ông ta. Do đó, chúng tôi tin liệu rằng nhất định ông X sẽ đến với chúng tôi đúng với tinh thần đoàn kết xây dựng. Thế rồi một sự thật phũ phàng đập vào mắt chúng tôi: ông X đi “tuốc luốc” không kèn không trống. Chúng tôi ngỡ ngàng vô cùng vì không thể ngờ việc có thể xảy ra như vậy được. Tại sao thế hồi ông X ? Thái độ của ông hẳn phải có lý do. Lý do gì? Chúng tôi khó hiểu quá. Hay là ông bị “kẹt”? Phải chăng ông bị vài tay “đầu cơ” dụ dỗ đưa ông tiếp tục con đường chia rẽ vì họ nghĩ rằng nếu đoàn kết thì họ sẽ “lỗ vốn”? Đúng vậy, thưa ông, vì một khi trăm họ về một mối, thì các tay “đầu cơ” đó sẽ mất hết “thờ” bởi lẽ họ nghĩ ngờ không còn ai dùng họ nữa. Ông X ơi! thế là ông đã vấp phải một lỗi lầm to tướng rồi mà hậu quả là thanh niên “lờ” ông và không còn tin vào cái tài duy nhất của ông nữa: đó là nghệ thuật xử thế khéo léo và khôn ngoan của ông./-

Nạn bất công những lạm cường quyền ác bá tại nông thôn

ƯỚC VONG, số 1, mùa Hè 1968, trang 50-54

Vĩ Tân Chế

Một vấn đề trọng đại của nông thôn

Trong thời gian gần đây báo chí thường hay lên tiếng về việc tham nhũng. Trong lúc đó, các nhà lãnh đạo cũng luôn luôn tuyên bố cương quyết diệt trừ tham nhũng và đặt vấn

đề này ngang hàng với quốc sách chống Cộng.

Trong khuôn khổ của một đặc san địa phương, chúng tôi không đề cập đến một vấn đề quốc gia quá rộng lớn như vậy, chỉ muốn bàn về nạn tệt đoan, bất công xã hội ở phạm vi nông thôn, trong chủ đích *xây dựng một xã hội lành mạnh và tiến bộ* mà thôi.

Chúng tôi nhận thấy hiện giờ tất cả nỗ lực của chánh phủ đều hướng về nông thôn và trận giặc đang diễn ra trên mảnh đất này là tranh thủ nhân tâm hơn là tranh giành đất đai. Nếu nông thôn nghèo khổ, đặc biệt là những thôn ấp Chàm từ bấy lâu vẫn bị nạn mê tín dị đoan làm tê liệt, lại còn phải đèo bồng thêm nạn bất công những lạm, cường quyền ác bá bóc lột thì thật là oái oăm và cùng khốn. Một xã hội có lắm thứ bệnh như thế sớm muộn gì cũng sẽ đưa đến chỗ sụp đổ toàn diện. Chúng tôi thiết tưởng những ai con có một tí lý tưởng xã hội cũng phải đau lòng mà phẫn nộ. Đó là một vấn đề trọng đại của nông thôn.

Những học sinh, thanh niên có nhiều nhiệt tâm với tiền đồ dân tộc không thể nào không nhìn vào sự thật để tìm mọi cách ngăn ngừa và cứu chữa, dù là khó khăn và hiểm nghèo, vì những tệt đoan trên chính là cái giá trong mắt; nó tiêu diệt tất cả những phấn khởi, những thiện ý muốn xây dựng của người dân ở thôn ấp. Nó là thủ phạm chính của sự bi quan, tiêu cực, chủ bại, mất tin tưởng ở chánh phủ và tương lai của đất nước. Nói tóm lại nạn tham nhũng bất công và cường quyền ác bá ở địa phương không những cản trở và làm tê liệt đường lối xây dựng nông thôn, quốc sách của chánh phủ mà nó còn phá hoại một cách nguy hiểm chương trình cao đẹp này nữa.

Cái gai trong mắt

Thông thường người dân quê ít để ý đến công việc hành chánh của xã thôn, quanh năm chỉ cặm cụi làm ăn. Khi cần ký giấy tờ hay có việc tác tụng mới đến xã ấp. Vì vậy, một nền hành chánh không cần phải chu đáo lắm cũng có thể

làm cho người dân thỏa mãn và sung sướng được, miễn là họ không bị chèn ép, dọa nạt và bóc lột trắng trợn. Cũng vì lý do chất phác và hơi lãnh đạm đó nên người dân quê ít phần nô hơn so với người thành thị mỗi khi nghe chính quyền địa phương của mình tham nhũng hay hối mại quyền thế, vì họ cho đó không có gì là quá đáng: đó cũng là tàn tích mặc cảm của người dân Việt từ nhiều trăm năm nay. Nhưng họ lấy làm uất ức và căm phẫn trước sự bất công và hà hiếp của chính quyền địa phương họ, nếu có, âu cũng là dễ hiểu: nếu chính quyền tham nhũng thì đâu có thiệt hại gì cho riêng họ mà họ phải la hét để “ách giữa đàng mang vào cổ”. Nếu chính quyền có ăn hối lộ thì dù sao họ cũng còn lời, vì viên chức xã ấp có những lạm công quỹ ăn hối lộ hay không đã gặp rất nhiều khó khăn; người dân không thấy lợi ích gì mỗi khi tố cáo, ngược lại chỉ chuốc lấy ngàn vạn tai họa vào thân. Họ không “dại” gì mà “tự nhiên” cưỡi lên lưng cọp.

Nhưng, nếu chính quyền địa phương bất công, bóc lột và hà hiếp họ, lúc đó họ mới hay rõ thiệt hại đến quyền lợi của họ và họ căm phẫn vì oan ức, vì bị miệt thị. Điển hình, một viên chức xã nọ hồ sơ như nhớp tư cách tồi tệ, nhưng người dân chẳng than van bao nhiêu; có chăng nữa cũng là nói “lén” để nghe với nhau trong lúc trà dư tửu hậu, rồi chẳng ai buồn nhắc đến lần thứ hai. Nhưng họ sôi sục căm hờn thù hận, khi viên chức xã ấy dở trò bất công và bóc lột trắng trợn, đặt quyền lợi riêng tư của mình trên luật pháp của nhà nước, công khai tác oai tác quái, xem trời không bằng cái vung. Động đến là phùng man trợn mắt, vung tay chửi bới, hăm dọa: nào là sẽ không ký giấy làm sổ Mỹ, nào là sẽ không cho giấy giới thiệu đi làm ăn xa. Khí giới bén nhọn nhứt của ông ta là dọa “báo cáo” chụp mũ, vì ông ta biết chính đó là nhược điểm của dân ngu khu đen, không bao giờ muốn “rắc rối” hay bị quấy rầy công việc làm ăn của mình. Thêm vào đó, họ lại mang nặng cái mặc cảm của hơn ngàn năm nô lệ và đô hộ ngoại bang: Sợ cơ quan an ninh điều tra. Một hôm kẻ viết bài này nghe lóm được những thân dân kể

lại với nhau bằng một giọng đầy oán hận rằng có một lần khi họ tát cá gần xong và “cá nhiều ới là nhiều” nguyên văn của họ thì bỗng nhiên, “ông tổ” xuất hiện; chẳng hỏi chẳng han chỉ cho phiên toái, ông ta liền đỡ hết bờ đập cho nước tràn vào và nói bồi thêm: “Chúng tát được cá to cá lớn mình cũng chẳng được ăn, phá cho huề cả đám”. Có lần ông xích mích với một vị tu sĩ, ông ta chẳng ngại cho loan báo công khai cấm vị tu sĩ ấy hành lễ trước sự kinh hoàn của các tín đồ trong ấp. Một lần khác, giữa phiên họp của Ban Hội đồng Xã ấp với dân chúng về vấn đề phân phối ruộng đất còn để bán cho dân chúng, trước những câu hỏi vô vọng của dân, ông ta oai nghiêm tuyên bố một câu: “Ruộng đất đâu có dễ, ví như một hàng cháo, không có tiền bà cháo đâu có múc, tiền trao cháo múc”...

Đấy, mới kể sơ qua bao nhiêu chuyện, cũng đủ thấy người dân ngậm đắng nuốt cay, căm hờn tức tưởi như thế nào! Uất ức thật, oán hờn thật, nhưng người dân cũng chẳng biết làm sao; người nào gan lì lắm mới dám làm đơn lên chính quyền quận hay tỉnh, rồi chỉ biết ngơ ngác chờ đợi trong sự lo âu sợ “ông tổ” trả thù. Tâm trạng của người dân quê mùa chất phác là như thế đó; ắt cũng có một lý do để cho họ phải khiếp đảm. Ngoài lý do chèn ép về giấy tờ làm ăn hay báo cáo chụp mũ, họ lại sợ bị cô lập, phản công một cách nguy kịch bởi những bè cánh xã ấp với nhau...

Vì vậy mà người dân đen dù có bất mãn đến đâu đi nữa, họ cũng thấy an lành hơn nếu họ “ngồi yên”, bằng không thì họ “tự nhiên lại ngu ngốc” đi ghẹo hùm.

Đàng nào các bạn cũng là “anh hùng”

Vấn đề đã đặt ra và đã mổ xẻ như trên. Vậy thái độ của học sinh, thanh niên chúng ta phải như thế nào? Lẽ dĩ nhiên chỉ có hai thái độ: chống hoặc không chống.

Nếu các bạn không chống, nghĩa là khoanh tay cúi đầu ngồi yên, các bạn sẽ được gì? Các bạn sẽ bị bao nhiêu người dân trách móc là phường “giá áo túi cơm”, chỉ sống bo bo

Nghiên cứu

với chủ nghĩa cá nhân hèn đốn, không biết đến quyền lợi chung của xã hội. Sự trách móc đó sẽ dẫn đến sự mất tin tưởng hoàn toàn ở các bạn; Họ sẽ thắc mắc tại sao các bạn đi học và tại sao họ còn cho con cái họ đi học để làm gì nữa?...Rồi, dù các bạn có cố gắng “ngồi yên” đi nữa, cái gai vẫn cứ đâm vào con mắt các bạn, các bạn sẽ thấy muôn phần bức bối, lương tâm cắn rứt, do đó các bạn sẽ chết dần chết mòn về tinh thần, chết một cách nhục nhã, một cách thấp hèn...

Nếu các bạn “chống”, các bạn sẽ được gì? các bạn thắng hoặc bại. Theo tôi thì đảng nào các bạn cũng trở thành “Anh hùng diệt trừ tệ đoan bất công xã hội”.

“Thắng”, các bạn sẽ cảm thấy phấn khởi vô cùng, các bạn sẽ vững tin ở tương lai xã hội và tiền đồ dân tộc hơn. Dù cá nhân các bạn bị thiệt thòi đi nữa, nhưng chẳng nghĩa lý gì đối với phần đóng góp to lớn xây dựng cho quê hương đất nước các bạn. Các bạn chính là “Anh hùng của nông thôn vùng dậy” vậy.

“Bại”, các bạn cũng gây được một tiếng vang, các bạn là chướng ngại vật ngăn trở sự tung hoành của cường quyền ác bá. Các bạn đã cảnh cáo cho chúng biết là: “có chúng tôi đây”. Các bạn đã mở đường giải thoát cho nông thôn bấy lâu nay bị áp bức bởi nạn bất công và tệ đoan xã hội. Các bạn đã giúp đỡ chánh phủ rất nhiều. Công việc càng khó khăn bao nhiêu, thì người học sinh, thanh niên càng thích thú bấy nhiêu. Có nguy hiểm mới có sự thử thách, mới có phần phấn khởi. Một đại văn hào Pháp đã nói: *“Thắng không khó thắng không vinh”*. Việc quan trọng là các bạn phải có lập trường, tột tể nhất những kẻ xu nịnh, chạy theo bã danh vọng, hay quyền lợi cá nhân nhỏ nhen mà chà đạp lên *công bằng và lẽ phải*. Vậy dù là thất bại công việc làm của các bạn vẫn mang trọn vẹn ý nghĩa cao đẹp của nó: Các bạn chính là những “anh hùng tiền phong giải thoát cho nông thôn của các bạn”.

Các bạn phải ý thức rằng, nếu các bạn những người học thức trẻ trung, tinh thần của thôn ấp mà sồn lòng e ngại, thì

Nghiên cứu

các bạn không thể chờ đợi ở một ai khác làm một công việc đó. Nếu phải chết, các bạn hãy chết với danh nghĩa là chiến sĩ diệt trừ bất công, cường quyền ác bá địa phương. Các bạn hãy tìm cái chết đó đi! Đẹp lắm các bạn ơi! Cao thượng lắm các bạn ơi! Các bạn hãy noi gương cụ thủ tướng Trần Văn Hương, trên 60 tuổi, mà vẫn được báo chí quốc nội lẫn quốc tế ca tụng và phong tặng là “ông già gân”. Các bạn là thanh niên, là rường cột của nước và của nhà, các bạn chính là niềm hy vọng tương lai của xã hội, các bạn hãy tỏ là “Anh hùng bài trừ tham nhũng bất công, cường quyền ác bá ở nông thôn” để tiếp tay giúp chánh phủ sớm tận diệt nạn tệ đoan bất công của xã hội.

Các bạn hãy vững tin ở *chính thể dân chủ pháp trị* và nhất là ở thủ tướng liêm khiết, can trường. Các bạn hãy tích cực ủng hộ các vị lãnh đạo của chúng ta, để cảnh thanh bình thịnh vượng sớm trở lại trên quê hương đau khổ này./-

Phan Rang 25/8/ 68

Chăn nuôi trâu bò

ƯỚC VỌNG, số 1, Năm 1968, trang 55 - 57

Mã Thanh Lâm
(Huấn sự Thú y)

Đồng bào tỉnh Ninh Thuận nói chung, và đồng bào Chăm nói riêng, hầu hết chuyên sống về nông nghiệp, và trâu bò vẫn chiếm một địa vị quan trọng vào bậc nhất trong công việc đồng áng.

Trong bài báo này, tôi chỉ mong giúp các bạn nông gia có một khái niệm sơ lược về cách tuyển lựa và chăm sóc trâu bò.

A. Chọn trâu bò:

Muốn có đàn trâu bò tốt theo ý muốn, người ta phải chọn trâu bò các tiêu chuẩn sau đây: con tốt khỏe mạnh thân hình cân đối.

Xem toàn diện từ đầu đến đuôi:

- Đầu: to vừa phải, trán cao và rộng chứng tỏ con vật ngoan ngoãn và dễ sai khiến, cặp mắt lanh, mũi lảng ươn “thú mạnh mũi luôn luôn ươn”, môn rộng chứng tỏ con vật ăn nhiều dễ mạnh.

- Cổ: ngắn to, ngực nở nang, vai rộng, mặt lưng thẳng và rộng, bụng thon, chân to chắc chắn và cân xứng với thân hình.

- Chọn đực giống: ngoài các tiêu chuẩn trên, con vật phải có bộ phận sinh dục to và đều. Về tuổi phải có từ 2 đến 7 tuổi. Trung bình 1 con đực cho 50 con cái.

- Chọn cái giống: cũng như con đực, nhưng bộ phận sinh dục phải rộng để sinh đẻ dễ dàng, vú phải lớn để cung cấp sữa đủ nuôi con.

B. Chuồng trại:

Tối thiểu phải cao ráo sạch sẽ, trên phải có mái lợp tranh lá, nếu có tol càng tốt. Nếu chuồng làm bằng đất nên hơi nghiêng hơi về phía sau để nước tiểu dễ thoát vào hầm phân, nếu có phương tiện làm bằng ximent càng tốt, nhưng tránh đừng làm láng trâu bò nhất là bê (bò con) dễ bị trượt té dọp miệng, tốt hơn nên ximent nên lót rơm, cỏ khô cho trâu bò bê nằm lên và khỏi bị trượt té và có thể cạo phân vào hầm dễ dàng.

C. Bệnh dịch tả trâu bò:

1.- Nguyên nhân: Bệnh dịch tả đã có từ đời thượng cổ, làm chết rất nhiều trâu bò, nhưng hiện nay đã có thuốc để tiêm ngừa “Vaccin Lapinisé” do ông bác sĩ Nacogarat người

Nghiên cứu

Nhật tìm ra.

2.- *Triệu chứng*: bệnh dịch tả có ba thời kỳ:

a). Khi vi trùng đã nhập vào thân thể trâu bò thì bệnh còn âm ỉ trong cơ thể; con vật ăn ít trong thời gian độ 2, 3 ngày, thời kỳ này bệnh chưa phát hiện, nhưng đôi khi bệnh hay làm con vật ngứa ngáy ngoài da nên gãi luôn. Nó vẫn ăn uống “nhưng ăn ít hơn ngày thường”.

b). Khi nó bỏ ăn uống nó yếu hẳn đi, mắt đỏ lơ lơ và chảy ghèn, nước mắt làm lở loét cả da dưới mắt, lở nướu răng, lở mép và dưới lưỡi lở theo màng mỏng, hôi thối, mũi khô, nước mũi đặc lẫn máu mủ, phân lúc đầu còn hơi rắn và 2, 3 ngày sau tiêu lỏng, và từ đó nó đi như tháo cống nhiệt độ từ 40 - 41 độ và khi chết nhiệt độ hạ xuống ở 36 độ.

c). Trong thời kỳ này nó ỉa chảy kịch liệt lẫn lầy nhày máu đàm hôi tanh khó chịu, lúc bấy giờ nó kiệt lực có thể chết một vài ngày sau. Trâu bò phát bệnh đôi khi nó còn đái ra máu hoặc mọc mụn đầy mình, trâu bò có chữa thường bị nhiều.

Từ lúc phát bệnh đến chết thường mất từ 5 - 10 ngày sau. Trâu chết từ 85% đến 90%, bò 50% đến 60%.

Nó bệnh kinh niên thì nó làm cho da thú nứt nẻ gây yếu, suy nhược đi đứng không vững đến chết luôn.

3.- *Chữa bệnh*: tiêm huyết thanh miễn dịch tả mỗi lần 50cc, tiêm độ 5, 6 lần và có thể tiêm Penicilline 1gr đối với con vật nặng 100 ký để diệt vi trùng phụ. Thấy con vật quá yếu tiêm thêm Sérrum Glueosé 250cc mỗi ngày. Cho cháu ăn, cám lỏng, chuồng trại phải cao ráo, sạch sẽ.

4.- *Dùng thuốc ngừa dịch-tả* “Vaccin L” tiêm độ 2cc. Trâu bò đã tiêm ngừa rồi không mắc bệnh dịch tả trong vòng 4 năm. Qua 4 năm sau mới tiêm ngừa lần thứ 2.

Nghiên cứu

Khi trâu bò mắc bệnh dịch tả hoặc chết, lập tức phải nhốt riêng xa chuồng thú mạnh để tránh sự lây truyền. Xác chết phải chôn hoặc đốt. Đồng thời cấp báo cho Ty Mục Súc biết để lập hàng rào thú y hầu ngăn chặn sự lan tràn của mầm bệnh truyền nhiễm gây thiệt hại tài sản của đồng bào.

Điều quan trọng là khi trâu bò bị nghi là mắc bệnh, quý vị nên liên lạc ngay với Ty Thú Y để được chỉ dẫn cách chữa bệnh chi kịp thời và đúng mức./-

ស៊ីណេមា ភាព “ 安定 日 ”

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 63

Ja Mata Harei

ភាព	ទំ រំ ទំ	ថ្ងៃ ទំ ថ្ងៃ	ទំ ទំ ទំ	ទំ ទំ ទំ	ទំ ទំ ទំ
ទំ	ណ	ហ	ថ្ងៃ	ថ្ងៃ	ណ
ថ្ងៃ	ណ	ណ	ហ	ថ្ងៃ	ថ្ងៃ
ទំ	ថ្ងៃ	ណ	ណ	ហ	ថ្ងៃ
ទំ	ថ្ងៃ	ថ្ងៃ	ណ	ទំ	ហ
ទំ	ហ	ថ្ងៃ	ថ្ងៃ	ណ	ណ

ស៊ីណេមា: ណ = ណាណា ណាណា,, ណ = ណាណា ណា,, ថ្ងៃ = ណា ថ្ងៃណា,, ថ្ងៃ = ណា ថ្ងៃណា,, ហ = ណា ហណា,,

Làm thế nào cho gà khỏi mắc bệnh?

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 64-65

V.T.C (sưu tầm)

Hãy làm theo 7 điều căn-bản dưới đây:

1.- Chủng bằng thuốc chủng sống chế tại nước ta, bằng cách nhỏ thuốc nước vào lỗ mũi gà 1,2 giọt tùy gà con hay gà lớn, gà con sau khi nở một tuần lễ nên chủng thuốc để phòng bệnh, và 5, 6 tháng sau chủng lại một lần. (thuốc

Nghiên cứu

chúng gà hỏi mua ở tiệm thuốc Tây)

2.- Chuồng trại phải khô ráo, sạch sẽ, thoáng khí và nhiều ánh sáng. Thỉnh thoảng phải tẩy uế chuồng gà bằng cách quét vôi hay rải vôi bột lên nền, tường, phen của chuồng và sân thả gà.

3.- Cho gà ăn đầy đủ chất bổ và hợp vệ sinh. (có thể dùng vỏ trứng vò nát cho gà ăn để có chất vôi).

4.- Không bao giờ nhốt đàn gà cùng chuồng với gà mắc bệnh hay nghi có bệnh. Gà có triệu chứng bệnh phải nuôi riêng.

5.- Phải giết ngay những gà có triệu chứng mắc bệnh dịch tả. Gà bệnh chết phải chôn ngay, đổ vôi và dầu hỏa lên trên khi lấp đất lại.

6.- Chuồng và dụng cụ trong chuồng, sân gà mắc bệnh phải tẩy uế bằng nước vôi 10% hay nước Crésyl 5%, không chừa 1 kẻ hở nào.

7.- Cứ 15 ngày thì cho gà uống 1/4 viên Sulfaguanidina (có bán ở tiệm thuốc Tây) để ngừa và trị tất cả về ruột.

Nếu các bạn làm đúng 7 điều khuyên trên thì đàn gà của các bạn sẽ không bao giờ mắc bệnh, và chỉ trong vòng hai năm các bạn sẽ trở thành “đại phú gia”. Vậy chúng tôi xin kính chào ông “đại phú gia” tương lai của chúng tôi.

ကုန်စုံ ဝယ်ယူရန် ဝယ်ယူရန်

“Ngày dùng và tuổi tốt”

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 68-70

Ja Mata Harei

Quan niệm của đồng bào Chàm về việc chọn ngày lành tháng tốt là một vấn đề cần thiết và tối quan trọng.

Mọi vấn đề như: dựng nhà, cưới hỏi, tang tế, khai khẩn, tạo mãi v.v... Đều phải lựa ngày giờ tốt (*tanyruah*).

Tối kỵ những *harei dadin* (ngày hỏa), *harei juak nathak*

Nghiên cứu

(ngày ky) hoặc *tuk takalit* (giờ phạm).

Trong phạm vi bài này chúng tôi chỉ trình bày sơ lược những ngày giờ tốt, xấu để quý độc giả có một khái niệm tổng quát của vấn đề mà thôi.

Bảng kê ngày tốt (Harei siam)

Thứ	ngày về “bingun” từ mông 1 đến rằm	ngày về “kanem” từ 16 đến 30
Thứ Hai	3, 5, 7, 9, 10, 13	2, 8, 12
Thứ Ba	5, 9, 15	2, 11, 12
Thứ Tư	5, 10	4, 6, 8, 11
Thứ Năm	3, 9, 10, 13	2, 4, 12
Thứ Sáu	3, 5, 7, 13	8, 10, 11
Thứ Bảy	3, 5, 11	2, 6, 11, 12
Chúa Nhật	Không dùng	Không dùng

Bảng kê ngày hỏa (Harei dadin)

Tháng	ngày về “bingun” từ 1 đến rằm	ngày về “kanem” từ 16 đến 30
1 và 10	2	2
2 và 3	4	4
4 và 5	6,7	6,7
6 và 7	10	10
8 và 9	2	2

Bị chú: riêng tháng 11 và 12 không có ngày hỏa.

Bảng kê hướng xuất hành trong ngày lễ

Thứ	Đông	Tây	Nam	Bắc
Thứ Hai	xấu	vừa	vừa	tốt, có tài, lợi
Thứ Ba	tốt	xấu	xấu	xấu

Nghiên cứu

Thứ Tư	tốt	tốt	xấu	xấu
Thứ Năm	tốt	xấu	xấu	tốt
Thứ Sáu	tốt	tốt	rất tốt	xấu
Thứ Bảy	xấu	tốt	tốt	xấu

Bị chú: ngày Chúa Nhật không dùng.

Bảng kê giờ “Hên, Xui”

Thứ	Giờ (tuk) hên	Giờ xui (phạm)
Thứ Hai	5 tuk	3,6 tuk
Thứ Ba	4 -	3,5 -
Thứ Tư	3,6 -	1,4 -
Thứ Năm	4,8 -	2,3 -
Thứ Sáu	2,6 -	2,7 -
Thứ Bảy	2,8 -	1,2 -
Chủ Nhật	0	7,8 -

Bảng kê ngày ky (Juak nathak)

Tuổi	Thứ	Bị chú
Tý	Ky ngày Chúa Nhật	Đi trúng ngày ky bị tai nạn hoặc mang tai tiếng.
Sửu	Ky ngày Thứ Bảy	
Dần	Ky ngày Thứ Bảy	
Mẹo	Ky ngày Chúa Nhật	
Thìn	Ky ngày Thứ Tư	
Tỵ	Ky ngày Thứ Năm	
Ngọ	Ky ngày Thứ Sáu	
Mùi	Ky ngày Thứ Hai	
Thân	Ky ngày Thứ Năm	
Dậu	Ky ngày Thứ Hai	
Tuất	Ky ngày Thứ Ba	
Hợi	Ky ngày Thứ Tư	

Nghiên cứu

Bảng kê ngày hỏa táng và chôn (An táng)

	Thứ	Ngày về Dương từ 1 đến rằm	Ngày về Âm từ 16 đến 30
Hỏa táng	Thứ Tư	2, 6, 10, 12	2, 6, 10, 12
	Thứ Bảy	2, 6, 10, 12	2, 6, 10, 12
An táng	Thứ Ba	4, 5, 8, 9, 14	4, 5, 8, 9, 14
	Thứ Tư	4, 5, 8, 9, 14	4, 5, 8, 9, 14
	Thứ Bảy	4, 5, 8, 9, 14	4, 5, 8, 9, 14

Đặc biệt ngày hôn lễ:

Thứ Tư: 2 klem, 4kl, 8kl, 10 và 12kl.

Tuổi kết hôn :

Nam tuổi	Nữ tuổi	Bị chú
Tý	Sửu	Những tuổi trên đây nếu kết hôn với nhau rất tốt. Gia đình hạnh phúc đến già.
Dần	Hợi	
Mẹo	Tuất	
Thìn	Dậu	
Tỵ	Thân	
Ngọ	Mùi	
Hoặc ngược lại		

Những nguồn mỹ cảm của dân tộc

Việt Nam gặp gỡ Chiêm Thành

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 72 - 75

Tác-giả: Ứng Quả

Sưu-tầm: Ja Bah

Trong cuộc sinh hoạt của dân tộc Việt Nam, trải qua mấy mươi thế kỷ, chúng ta có thể nhận ra những nguồn mỹ cảm chẳng khác gì những mỹ cảm tiềm tàng trong tiểu sử

Nghiên cứu

của từng người. Những nguồn mỹ cảm ấy là những hứng thú, những phúc say sưa, những cơ tao ngộ, những lúc băn khoăn cảm động của dân tộc mình trước cảnh vật thiên nhiên hoặc trước công trình mỹ lệ của dân tộc khác. Những lúc đó rất nào nùng nó kích thích đến tâm hồn, biến đổi đến nghệ thuật của người mình, và có khi giúp thêm tài năng cho dân chúng để tác thành những công trình mới lạ, nổi hẳn lên trên loch sử mỹ thuật của nước nhà.

Ta chỉ xem vài tỷ dụ thì rõ.

Nhà Lý xây văn miếu ở Thăng Long, một công trình về vang về kiến trúc, mục đích công nhiên là để thờ đức Khổng Tử trong lúc nho giáo thịnh hành, mà về mặt mỹ thuật, là để thỏa lòng khao khát bấy lâu về kiến trúc sau khi đã cảm mến nghề kiến trúc của người Tàu.

Nhà Trần rất hăng hái về nghệ kịch, sau khi được thưởng thức tài năng của người Lý Nguyên Cát, một tay kép giỏi trong đạo quân Mông Cổ, lạc loài sau trận Tây kết, mà Trần Quốc Tuấn đem về và cấp dưỡng ở Thăng Long.

Nhà Nguyễn xây cung điện lăng tẩm ở Phú Xuân đại khái theo lối kiến trúc mấy đời trước, nhưng lại cho nó một vẻ mỹ miều phong nhã, là vì đã cảm cái khí vị đậm đà tán mạn trên non sông của Thuận Hóa.

Nhưng tỷ dụ như thế thì nhiều lắm. Nhưng chủ ý tôi bây giờ không phải là để thống kê tất cả những nguồn mỹ cảm từ trước đến sau đã làm rung động tâm hồn của tổ quốc. Trong vài trang sau đây, tôi chỉ xin nói về âm nhạc, và trong âm nhạc tôi chỉ lựa một thời kỳ. Thời kỳ ấy là sự gặp gỡ người Chiêm Thành, trong cuộc “Nam tiến” của dân tộc ta. Từ bài “*Tây thiên*” của nhà Lý, là lúc đôi bên mới gặp gỡ ở cầm đài, cho bài “*Vọng giang nam*” của Nguyễn Triều là lúc đôi bên vĩnh quyết, ta đã cảm nhiễm sâu xa đến âm nhạc của người Chiêm.

Nước Chiêm Thành hay Chiêm-Ba, có cái tên khả ái, chữ Chiêm-Ba trong tiếng phạn là tên cây ngọc lan. Cây

Nghiên cứu

này có hoa thơm, mỗi hoa có mười cánh trắng và nở về mùa hè. Nếu ta quên những nỗi vất vả của loài người trong lịch sử, Chiêm Thành sẽ là xứ cây ngọc lan, Chiêm Thành sẽ là Ngọc Lan Quốc.

Nước Chiêm Thành không ở đâu xa lạ, chính ở nơi giải đất Trung Kỳ này, từ núi Hoàng Sơn ở miền bắc tỉnh Quảng Bình cho đến vùng Gia Định trong Lục Tỉnh, trong khi dân tộc ta là dòng dõi Giao Chỉ đang còn ở miền Trung Châu xứ Bắc Kỳ.

Lịch sử vẻ vang của Chiêm Thành, những thời chiến thắng, những tôn giáo tôn nghiêm, những lễ nghi rực rỡ của họ nhất là những công trình tráng lệ về kiến trúc mà tàn tích còn đầy dẫy ở Quảng Nam, ở Bình Định, ở Khánh Hòa, thời cũng có nghe đến, tôi không nhắc lại làm gì. Tôi chỉ để ý đến một điều, là dân tộc tài hoa thế kia mà phải mang mệnh bạc. Cuộc “Nam tiến” của ta trên giải đất Trung Kỳ là diệt vong khốc liệt của người Chiêm, nó dồn dập trong khoảng mấy trăm năm, từ thế kỷ thứ XI đến thế kỷ thứ XVII là kết liễu.

Vua Lý Thái Tôn, năm 1044, thân chinh đi đánh Chiêm, hạ thành Phật Thệ, ở vào hạt Thừa Thiên bây giờ. Tuy Ngài không chiếm giữ đất Chiêm, nhưng bỗng nhiên Ngài đã làm cho quân sĩ tin ở sức tiến thủ của chúng. Sau đó, vua Lý Thánh Tôn, năm 1069, lấy được ba Châu của Chiêm là tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị bây giờ.

Vua Trần Anh Tôn, năm 1306, gả bà Huyền Trân công chúa cho vua Chiêm là Chế Mân; vua Chiêm dâng cho Ngài Châu Ô và Châu Lý, tức là Thừa Thiên và một phần Quảng Nam.

Vua Hồ Hán Thương, năm 1402, lấy hết vùng Quảng Nam và lấy thêm vùng Quảng Nghĩa.

Vua Lê Thánh Tôn, năm 1470, thân chinh đánh Chiêm hạ được thành Đồ Bàn và lấy vùng Bình Định.

Sau cùng chúa Nguyễn lấy Phú Yên, năm 1611, Khánh Hòa năm 1656 và tỉnh Bình Thuận năm 1697. Từ đó người Chiêm mất nước, họ tìm những nơi rừng rậm núi hoang ở

miền Phan Rang và Phan Rí mà nướng thân, và không có tên tuổi gì trong lịch sử nữa.

Nhưng đồng thời ta chinh phục đất Chiêm, thì ta lại cảm cái văn hóa của người, và ta càng đi xa vào trong đất nước người, tâm hồn ta lại càng thâm nhiễm cái văn hóa đó. Về âm nhạc, ta thấy rằng từ nhà Lý đến nhà Nguyễn, âm nhạc Chiêm Thành cứ ngấm ngấm tiêm nhiễm vào âm nhạc ta, tiếng vọng của nó một ngày một thêm vang động, ban đầu vui vẻ và trang nghiêm như điệu nghệ thường trong ngọc khuyết, sau trở nên thanh oán bi ai như bài ca trường hận của một nước điêu tàn.

Trước hết ta mượn vũ nhạc của Chiêm. Vũ nhạc là thứ nhạc vừa diễn vừa múa. Trong thời thịnh trị, Chiêm sở trường về môn này.

Năm 1044, khi quân ta đã hạ quốc đô Chiêm Thành là Phật Thệ, vua Lý Thái Tôn bắt thần thiếp của vua Chiêm là Sạ Đẩu mà đem về Thăng Long. Ngoài nàng Mị Ê mà nổi tiếng ở sông Hoàng Giang đã để lại một mối thương tâm cho đời sau, vua đem về một bọn cung phi thành thạo về ca vũ. Về đến Thăng Long vua truyền bọn cung nữ ấy diễn khúc nhạc Chiêm là khúc Tây Thiên. Vua say mê điệu đó, và xây cung điện cho các nàng ở để dạy vẽ cho cung nữ của Ngài. Mười lăm năm về sau, vua Lý Thánh Tôn bắt đầu đem những khúc nhạc Chiêm phủ vào âm nhạc mình.

Chẳng những thế, đến đời Lý Cao Tôn có lệnh truyền nhạc công ta đặt thêm nhiều bài mới mà gọi là Chiêm Thành-âm. Kết quả là những điệu hát, điệu múa, nguyên lai ở vũ nhạc Chiêm Thành.

Những điệu ấy là điệu nào? Hiện giờ chúng ta chưa có thể phân tích điệu đó cho được chu đáo. Nếu nhạc “*Thieu*” trong lễ “*Nam giao*”, chẳng hạn ta biết chắc là nguyên lai ở âm nhạc Tàu, nếu bài hát đảo điên, ta biết chắc là nguyên thủy ở âm nhạc Chiêm, bao nhiêu điệu khác như “*Tấu Phụng, Phẩm Nghi, Bài Bông, Bát Tiên Quá Hải, Bát Dật, Trình Tường, Tứ Linh, Phúc Lộc Thọ*.” bao nhiêu điệu hát, điệu thán, điệu văn, trong ca vũ ta, thì lai lịch lại phiền phức

hơn nhiều; nhưng chắc rằng trong ấy Chiêm Thành-âm đã chiếm một phần lớn.

Trong thời kỳ sau ảnh hưởng của Chiêm Thành ra khỏi phạm vi vũ-nhạc, mà trở nên một thứ âm-nhạc lãng mạn và đạo tình.

Lúc bấy giờ, dân tộc ấy đã hầu tàn, trong lòng mang nặng những niềm luyến chúa, những nỗi tư hương. Chung quanh lâu đài đổ nát của nước Chiêm ngày trước, ta vẫn nghe, những điệu buồn rầu não nuột mà ta chưa từng nghe đến bao giờ. Đây là lời tự tình nỉ non của dân chúng, chớ không phải, là những bài vũ nhạc tương bưng nó nhịp nhàng cuộc đời rứt rứt của đế vương. Những điệu lý như “*Lý Vọng Phu*”, những bài quả phụ, “*Nam Tình, Nam Ai*” tức là “*Vọng Giang Nam*”, tất cả những điệu Nam trong, ca Huế sẽ phân biệt dễ dàng những điệu Nam tôi kể trên, với những điệu Khách, như “*Mười Bản Tàu, Lưu Thủy, Hành Vân, Cổ Ban, Phụ Lục*”. Điệu *Khách* thì vui tươi điệu *Nam* thì rẻo rắt. Ở Chiêm Thành sang ta trong những đêm đăm lệt, ca Nam có vẻ linh lạc và bi hoài, đậm đà và cảm khái.

Lúc đầu tiên mà tôi cảm thấy cái vẻ băng khuâng man mác của âm nhạc này, là một đêm hè ở Vĩ Dạ. Thuở ấy ở Vĩ Dạ có một tay thiện cầm, thành thuộc được nhiều cây đàn sau ba mươi năm thao luyện, lúc bấy giờ làm chức giáo tập dạy đàn trong phủ Hoàng Tương Công. Hôm ấy, lúc trăng khuya đã lên khỏi ngọn mấy cây xoan ở trước ngõ, và đã giải ánh sáng linh lung trong thửa vườn, nhạc sĩ ngồi dưới hiên mà gảy cây nguyệt cầm. Y gảy những điệu Nam, giọng đàn thanh tao mà gấn bó, thanh thoát mà não nùng, và hình như chỉ đàn cho mình nghe, không để ý đến chúng tôi, một nhóm trẻ con trong hàng thân thuộc của chủ nhân đang lặng lẽ lại gần để nghe nhạc.

Lệnh ái của Hoàng tương công, năm ấy lên mười sáu là người lớn nhất trong bọn chúng tôi; Hoàng tiểu thư đã học thành cây thập lục và lại biết ca. Khi đàn kia đã bật tiếng, chúng tôi sẽ van lơn, để tiểu thư ca cho một bài. Nể lòng của thân nhân, và tin ở cảnh vắng, tiểu thư liền nhận lời,

Nghiên cứu

nhưng xin lắng tiếng đàn để cho khỏi bận nhịp. Tiểu thư ca:

*Tiếng ve dặng dỏi... kêu sau.. bên lầu Hoàng Hạc... Xưa
thiếu phụ ngồi than...Chích bóng năm canh...*

Những câu bi hoài như thế có sức cảm xúc lạ thường, và xui ta nghĩ tới những nơi tịch mịch bên chân trời, những ngày xa xăm của dĩ vãng.

Trước đã cảm về đàn, bây giờ lại cảm về ca, nhưng từ lâu mà chúng tôi không để ý, chúng tôi lại còn say đắm về quang cảnh lúc ban đêm nó đang hòa hiệp với giọng hát của cung đàn. Từng cơn gió khuya đưa lại những mùi hương bát ngát của hoa ngọc lan và hoa lý. Khóm vườn ở đây thì cũng yên tĩnh, nhưng bên xa kia trong những lùm cây tối sẫm, đàn ve chốc chốc lại khua lên khúc nhạc rầu rĩ của mùa hè.

Từ đó tôi nhận chân giá trị của bài “*Vọng Giang Nam*”. Một lòng thủy chung tôi yêu điệu nhạc đó, vẫn biết rằng lòng người bạc bẽo sẽ một ngày một quên nó đi, như biết bao vật quý ở đời. Về sau dẫu tinh thần tôi có đổi thay, và quan niệm của tôi về âm nhạc có trở nên phiền phức theo cuộc tiến hóa của nước nhà, bao giờ trong ký ức của tôi những cảm giác thiếu thời nơi cảnh sắc cố hương cũng vẫn sâu xa tươi thắm. Tôi biết ơn dân tộc tài tình kia đã dành lại cho ta những cảm giác ấy, và bấy lâu tôi định ninh rằng dân tộc ấy là dân tộc Việt Nam. Đến nay, tôi được biết rằng âm nhạc đó là công trình kỳ thủy của Chiêm Thành, một dân tộc oanh liệt và tài hoa, đã từng sinh hoạt trên non sông này trải qua một nghìn năm lẻ.

Điều đó chẳng làm giảm bớt tấm lòng luyến quốc của ta, mà chỉ nhủ ta nên kỷ niệm đời đời cuộc tao phùng của nước Chiêm và nước Việt./-

Nghiên cứu

Các bạn phải là những anh hùng tiền phong của xã hội mới?

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 81-85
(Viết cho các em học sinh và các bạn thanh niên cầu tiến)

Vĩ Tân Chế

Chắc các bạn đồng ý với tôi là chúng ta đang sống trong một xã hội quá chậm tiến, từ bấy lâu nay vẫn chìm đắm trong nạn mê tín dị đoan và không thoát khỏi vòng kiểm chế của những thói quen xấu cùng những tập tục lỗi thời, về sinh hoạt tinh thần, chúng ta cũng vẫn làm nô lệ cho định kiến, thành kiến cùng mặc cảm tự ti của muôn thuở...

Trong khuôn khổ của bài báo này, chúng tôi không phân tích để tìm căn nguyên của nạn mê tín dị đoan hay tệ đoan xã hội, chúng tôi chỉ dựa vào sự nhận định hiện tượng chậm tiến nói trên, cộng thêm sự phân hóa cực độ do thời thế tạo nên để thử bàn tìm một giải pháp khả dĩ thích ứng với xã hội của chúng ta hiện nay.

I. Một giải pháp đơn giản:

Không phê bình, chỉ trích, chỉ làm theo lẽ phải.

Đứng trên phương diện nhân sự, chúng tôi nhận thấy rằng có một vài phần tử muốn thoát khỏi vòng tối tăm của nạn mê tín dị đoan cùng những tệ đoan xã hội để tìm đến ánh sáng huyền diệu của khoa học. Những phần tử còn lại thì khư khư ôm lấy những hủ tục đó, xem như báu vật của tổ tiên để lại, sẵn sàng chống đối mọi sự canh tân cải tiến, và tạo một dư luận rập khuôn hết sức hùng mạnh để chỉ trích những ai muốn thoát khỏi... sự chậm tiến ngàn xưa. Những phần tử này chiếm đến 80%, lại là những phần tử thủ cựu không chấp nhận lý luận hay sự đổi mới nào. Họ có vẻ thuần nhất, đoàn kết và vững mạnh trong ý chí bảo thủ của họ. Còn những phần tử muốn cải tiến, muốn có cách mạng xã hội, đã thiếu số lại thiếu sự đồng nhất và chia rẽ nữa vì

Nghiên cứu

mỗi người có một sáng kiến riêng và mỗi người làm theo sáng kiến, bản ngã của mình, quyết liệt hay rụt rè, tùy theo sự can đảm của từng cá nhân.

Đối với phần tử quá mê tín, chúng tôi không thể nào bàn đến một giải pháp gì với họ được, vì rằng họ không bao giờ ngồi nghe. Nếu các bạn cứ lý luận để tìm lẽ phải thì các bạn sẽ bị chỉ trích kịch liệt, bị bôi nhọ một cách ghê tởm và bị liệt vào hạng người “vong ơn bội nghĩa” đối với “ông bà tổ tiên”. Các bạn sẽ bị họ khinh khi, miệt thị như một người đến phá hoại “cổ tục quý báu nhất của họ”. Chính vì vậy, các bạn chỉ trích không những là vô ích mà còn nguy hiểm nữa, vì lẽ vô tình thúc đẩy họ chống cự lại; Và như thế, họ sẽ xích lại gần nhau hơn nữa, trở nên đoàn kết chặt chẽ để bênh vực lẫn nhau.

Như đã nhận định ở trên, những phần tử này là phần tử thủ cựu cực đoan. Song chúng tôi không bi quan tí nào, vì những người bảo thủ này có một nhược điểm: *Biết bất chước cái lợi ích*. Khi các bạn làm một việc gì trái mắt họ, họ sẽ phẫn nộ và chỉ trích đủ điều... nhưng khi thấy bạn thành công họ sẽ ngạc nhiên và im lặng. Họ ngạc nhiên vì cho rằng bạn đã hành động ngược với cái mà họ gọi là “phong tục” thì bạn sẽ phải thất bại, phải bị “trời phạt”. Bấy giờ bạn thành công và trở nên giàu có, thì họ sẽ im lặng. Từ sự im lặng thái độ bình tĩnh để quan sát đến sự *chấp nhận* rồi *bất chước* chẳng bao xa.

Chúng tôi [không] phải chỉ “lý thuyết” suông mà chính đã dựa vào sự quan sát tỉ mỉ, lâu dài và những kinh nghiệm của những người chung quanh để đi đến kết luận trên. Chúng tôi xin mở dấu ngoặc ở đây để lưu ý các bạn là nếu các bạn thất bại trong công cuộc “tiền phong” này, không những uy tín của các bạn bị suy giảm một cách thảm thương mà đường lối chủ trương của các bạn sẽ bị tê liệt và sẽ bị tẩy chay ngay. Chính vì những lẽ trên, chúng tôi xin đề nghị một giải pháp rất đơn giản và *không “lý thuyết”*, và *tuyệt đối không chỉ trích*. Sau khi đã suy nghĩ chín chắn, chúng ta chỉ hành động đúng theo *lẽ phải và đà tiến bộ của nhân loại*.

II. Thế nào là lẽ phải?

Tôi còn nhớ má tôi đã kể lại với tôi rằng lúc bà còn là con gái, nghĩa là cách đây 45 năm, người Chàm rất kỵ chụp hình, vì sợ người ta thu hồn vào máy ảnh. Có lần má tôi cùng với cô gái Chàm khác khóc lóc, ôm mặt chạy về nhà vì... Có mấy ông Tây chặn lại chụp ảnh làm cho bà ngoại tôi phải cứng đờ gọi... “hồn khôn” trở về, cũng vào khoản thời gian đó, người Chàm rất kỵ nhà thương và nhà hộ sinh. Họ nhất định thà chịu chết ở nhà còn hơn đến “sống” ở nhà thương hay nhà hộ sinh. Quan niệm sai lầm này tới ngày nay cũng vẫn chưa gột rửa hết.

Lúc lớn lên, tôi là người duy nhất trong làng tôi từ trước tới nay theo học ở tỉnh xa. Lúc đó (vào khoảng 1948) đa số người Chàm còn xem sự học như một “xa xỉ phẩm” chỉ dành riêng cho những người dư tiền của dùng, y như loại dầu thơm tử lạnh theo quan niệm chúng ta bây giờ vậy. Những người nghèo hay chỉ đủ ăn như gia đình tôi mà cho con đi học, ắt phải bị dư luận chê cười không ít, vì đã “*làm phách lối*”, cơm không đủ ăn mà còn “*xài sang*” nữa ! Sự chỉ trích tuy ngấm ngầm nhưng không kém phần mãnh liệt, đến nỗi bà má tôi ít dám giao du với bạn bè, thân thuộc vì mang nặng một mặc cảm tự ti... Còn tôi lúc đó cũng ít tin tưởng ở tương lai sáng lạn mà sự học vẫn hứa hẹn đem đến cho mình, cũng chỉ vì mang mặc cảm là sẽ không một cô gái Chàm nào chịu lấy mình, vì mình đã “*đi học*”. Thật vậy, lúc đó những cô gái Chàm chỉ mơ mộng một anh chàng “nhà nông” thật giỏi, chứ không “đại” gì lấy một anh chàng trí thức “đài lưng tốn vải, ăn no... lại nằm”. Việc tìm kế sinh nhai bằng mấy cây viết đối với đại đa số người Chàm bấy giờ có vẻ ảo huyền và ...quái gở lắm!

Ngày nay, các bạn đã thấy, nhân sinh quan hoàn toàn đảo ngược, đảo ngược để theo đúng *lẽ phải và đã tiến bộ của nhân loại*. Thời đại bây giờ là thời đại khoa học, của máy móc. Người Chàm ngày nay không những không chỉ

trích việc học hành nữa, mà lại sẵn sàng bán trâu bò ruộng nương và chịu cơ cực, hy sinh cho con cái đi học. Những ông già bà cả thường hay chỉ trích bà má tôi lúc trước, bây giờ vẫn còn sống; con cháu của họ có phần “văn minh” tiến bộ hơn tôi nữa. Như vậy, chúng ta có thể tạm kết luận rằng: khoa học đã thắng mê tín dị đoan, sự thành công về chức vị và vật chất của người đi tiên phong đã phá tan xiềng xích định kiến và thành kiến hủ lậu...

Nhưng ở đây, chúng tôi muốn nêu lên một thắc mắc: tại sao phải chờ đến 20 năm mới tìm ra *lẽ phải* hết sức đơn giản như vậy? Hỏi tức là đã trả lời. Chúng tôi chỉ muốn đề nghị với các bạn là phải đi “*đường tắt*”, phải thực hiện ngay bây giờ, chứ không chờ đến 20 năm sau, rồi lại 20 năm sau nữa mới chấp nhận *lẽ phải* quá hiển nhiên như: Bệnh thì phải đến bác sĩ, uống thuốc chứ không “lên đồng” cúng quải, tốn hao hàng chục ngàn để rồi “toi” mạng một cách oan uổng; Nhà thì phải trồng cây lấy bóng mát để làm dịu bớt ánh nắng thiêu đốt rồi mang bệnh suốt đời; Những cô gái lớn lên không phải chạy kiếm chồng như “rối cá” sợ cá ươn, rồi đến 17 tuổi chưa lấy chồng thì xem như đời đã bị “phế-thải”! Quan niệm sai lầm này rất nguy hiểm có thể đưa đến sự diệt chủng. Các bạn hãy suy nghĩ kỹ lại. Tôi có thể đề cử thêm hàng ngàn ví dụ bi đát tượng tự như trên.

Ngoài những ý kiến hủ lậu “mất nước” ấy ra chúng tôi muốn đề nghị với các bạn mạnh dạn đứng ra cổ võ duy trì thuần phong mỹ tục, và chỉ chấp nhận thuần phong mỹ tục mà thôi. Tôi xin đề cử một vài thí dụ điển hình như: Những đám lễ “cất tóc”, hôn lễ hay tang lễ của đạo Chàm Bàni, có thể giản dị hóa đến mức tối đa để tránh sự phiền toái và tốn kém nhiều, mà *không đụng chạm đến phong tục cổ truyền bằng cách tổ chức tiệc tùng, ăn uống thu gọn trong một buổi chính*. Còn đám tang người Chàm Bà-La-Môn thường quá tốn kém, ăn uống kéo dài cả tuần, thì có thể thu gọn trong ba ngày lễ chính: Ngày “cho ăn”, ngày “đốn cây” và ngày “hỏa táng”. Ba ngày chính này là sẽ giản dị hóa đến mức tối đa miễn sao *tập tục và nghi lễ cổ truyền của đám tang*

vẫn được duy trì một cách tốt đẹp.

III. Muốn thành công phải có lập trường và thiện chí

Để thực hiện lời đề nghị trên cho có hiệu quả và thật thích nghi với xã hội Chăm, chúng ta không thể rơi vào hố thẳm của ý kiến cực đoan, thường muốn đập đổ tất cả để xây dựng lại tất cả: các bạn hãy nhớ rằng không có một cuộc cách mạng toàn diện nào thực hiện cùng một lúc mà thành công được. Làm như thế rất nguy hiểm và rất phiêu lưu, không đo lường được hậu quả tai hại...

Vì vậy, ít nhất trong giai đoạn hiện tại, chúng ta chỉ thực hiện đúng theo kim chỉ nam dưới đây:

1) Không phạm đến thuần phong mỹ tục vì đó là một “tín ngưỡng” chứ không phải mê tín dị đoan. Chúng ta phải xem những nghi lễ cổ tục Chăm như một vấn đề thiêng liêng, vượt khỏi tầm suy xét của chúng ta.

2) Sự cải tiến phải hợp với khoa học và không đi ngược lại với sự tiến bộ của nhân loại.

Có kim chỉ nam để khỏi thất lạc rồi chúng ta còn cần phải có thiện chí xây dựng xã hội để giúp ta có một sự tổ chức nữa; Chúng tôi xin đưa ý là chỉ *tổ chức* thu hẹp trong vòng bạn bè và một số người lớn có tinh thần cầu tiến mà thôi. Các bạn phải “học tập”, cố gắng, để chuẩn bị thực hành. Xong, các bạn hãy theo phương pháp đơn giản đã nói trên là không lý luận, chỉ làm theo *đường lối đúng đã vạch sẵn để làm gương*.

Có thiện chí cũng chưa đủ, cần phải có lập trường thật vững vàng mới có thể chịu đựng được: Mỗi khi muốn thoát khỏi sự kiểm chế của mê tín, cùng định kiến để tiến bước, dư luận sẽ bao vây, đá kích bôi nhọ các bạn, mong các bạn hãy bình tĩnh mà giữ vững lập trường của người thanh niên tiên phong sẵn sàng đứng mũi chịu sào. Các bạn hãy tỏ ra là

Nghiên cứu

người can đảm và hãy tin tưởng vào ngày mai xán lạn mà sống. Có thể ngày mai các bạn sẽ bị dư luận bôi nhọ, xuyên tạc, làm cho các bạn có cảm tưởng bị mất tất cả. Nhưng thưa các bạn, chính lúc các bạn có cảm tưởng bị mất tất cả là lúc các bạn được tất cả: Các bạn đã trở thành “anh hùng tiền phong xã hội”. Tôi tin các bạn sẽ thắng, vì các bạn đang đi trên trục tiến bộ của loài người và hậu thuẫn của các bạn là nền văn minh rực rỡ của nhân loại. Điểm quan trọng nhất, là các bạn đừng bán rẻ danh dự, tán tâu lương tâm để xu thời, nịnh bợ những tệ đoan cùng sâu mọt xã hội.

Một đại văn hào Tây Phương đã nói: “*Sống tức là tranh đấu*”. Chúng tôi muốn thêm: “*Sống tức là tranh đấu và chấp nhận*”. Chấp nhận tất cả, để rồi mạnh dạn đứng lên đập đổ những tệ đoan, những tàn tích thối nát hủ lậu, hầu xây dựng một xã hội lành mạnh và tiến bộ. Các bạn hãy xem đó như một lời nguyện.

Người Chăm tổ chức hôn lễ vào dịp nào? Và tại sao?

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 86-89

Jaya Panrang

Dân tộc Chăm, cũng như các dân tộc khác ở Phương Đông đều tính thời gian theo vòng quay của mặt trăng, tức là theo âm lịch.

Trong các vấn đề: quan, hôn, tang, tế. Người Chăm chọn lựa giờ khắc và ngày tháng rất chu đáo, gần như cố định, nhất là thời gian dành cho cuộc hôn lễ.

Người Chăm theo thuyết âm dương và tôn sùng Linga (Dương thần) và Yoni (Âm thần) một cách trung thành. Họ quan niệm hai biểu tượng này rất thiêng liêng. Trong sự tín ngưỡng của họ, họ gắn liền Dương thần và Âm thần với sự sáng tạo của muôn loài.

Đối với vấn đề tín ngưỡng này, họ đã đưa vào một số

Nghiên cứu

biểu tượng cho thuyết âm dương như sau:

Thuộc về Dương:

- *akal* [*< akan*]: trời, bầu trời.
- *aditiak*: mặt trời.
- *bangun*: từ ngày 1 trăng non cho đến ngày trăng rằm (tròn).
- *harei*: ban ngày.
- *pagé*: buổi sáng.
- *pur*: hướng đông.
- *hanuk*: bên hữu.
- *yau*: số chẵn; v..v...

Thuộc về Âm:

- *tanah riya*: đất, quả địa cầu.
- *channak*: mặt trăng.
- *kanam*: từ ngày 1 trăng khuyết sau rằm, cho đến ngày trăng hết.
- *malam*: ban đêm.
- *biér harei*: buổi chiều;
- *pai*: hướng tây.
- *iw*: bên tả.
- *chaoh*: số lẻ; v..v...

a) giờ khắc:

Một ngày, từ 6 giờ sáng, từ lúc mặt trời mới mọc cho đến khi mặt trời lặn, có 8 *tuk*, buổi sáng có 4 *tuk*, buổi chiều có 4 *tuk*. Mỗi *tuk* tính ra có một tiếng rưỡi đồng hồ (90 phút). Ban đêm đáng lẽ ra cũng có 8 *tuk*, nhưng chỉ được tính từ 6 giờ chiều cho đến 12 giờ khuya, gồm 4 *tuk* mà thôi, còn từ 0 giờ sáng thì không được tính, vì trong khoảng này người ta cho là thời gian âm dương phối hợp và tất cả sinh vật cây cỏ sinh nở.

b) ngày:

Một tuần lễ của người Chăm cũng có 7 ngày và mỗi

Nghiên cứu

ngày có một biểu tượng riêng:

- *Adit, tok mah*: Chủ Nhật, tiếp nhận vàng.
- *Som, tok pariak*: Thứ Hai, tiếp nhận bạc,
- *Angar, tok bathei*: Thứ Ba, tiếp nhận sắt.
- *But, tok tanah bacah*: Thứ Tư, tiếp nhận đất nẽ.
- *Jip, tok drap mang takai*: Thứ Năm, tiếp nhận súc vật.
- *Suk, tok paca*: Thứ Sáu: tiếp nhận y phục.
- *Sanacar, tok padai*: Thứ Bảy, tiếp nhận lúa thóc.

c) tháng:

Một năm có mười hai tháng. Những tháng lẻ: 1, 3, 5, 7, 9, và 11, đều có ba mươi ngày. Những tháng chẵn: 2, 4, 6, 8, 10, và 12 thì chỉ có 29 ngày.

Mỗi tháng của Chăm cũng có biểu tượng:

- *bilan sa, binyâk than auen*: tháng giêng, thuận về tương tư.
- *bilan dua, binyâk danuh khak*: tháng hai, thuận về tội lỗi.
- *bilan klau, binyâk padai*: tháng ba, thuận về lúa thóc.
- *bilan pak, binyâk matai*: tháng tư, thuận về chết chóc.
- *bilan lima, binyâk mathao*: tháng năm, thuận về gây hấn.
- *bilan nam, binyâk pagul drap*: tháng sáu, thuận về tài sản được tập trung.
- *bilan tajuh, binyâk than kik*: tháng bảy, thuận về đau ốm.
- *bilan dalipan, binyâk ganuh khak*: tháng tám, thuận về tội lỗi.
- *bilan salipan, binyâk mathao*: tháng chín, thuận về gây hấn.
- *bilan pluh, binyâk than drap biak*: tháng mười, thuận về phát tài to lớn.
- *bilan puis, binyâk rat dabrat dhik*: tháng mười một, thuận về hưng thịnh.
- *bilan mak, binyâk apuei mbeng*: tháng chạp, thuận về lửa phát cháy.

Nghiên cứu

Căn cứ vào các thời gian lập thành như đã trình bày trên, nên người Chàm tổ chức hôn lễ vào thời gian cố định như sau:

Lễ cưới phải được tổ chức vào buổi chiều, ngày Thứ Tư ngày chẵn của trăng khuyết, sau rằm: 2, 4, 6, 8, 10, 12 và 14 và phải chọn tháng Ba, 6, 10, và 11 của Chàm. Tuy nhiên người Chàm ta còn chọn thêm tháng thứ Tám nữa mặc dầu không phải là tháng tốt, để cho có rộng rãi công việc cưới hỏi.

Tại sao người Chàm lại phải chọn thời gian kể trên để tổ chức lễ cưới một cách cố định như vậy, vì theo bảng lập thành âm lịch Chàm đã quy định:

Buổi chiều thuộc về âm, tượng trưng cho tuổi về già, sống với nhau lâu dài.

Thứ Tư, thuận về đất nê, một thứ đất có nhiều màu mỡ, dùng để trồng lúa, hoa màu để phát sinh: mưu cầu chung cho hai người sống với nhau sinh con đẻ cháu đầy đàn. Thứ Tư là ngày âm-dương gặp nhau, vì người Chàm còn quan niệm rằng ngày Thứ Tư còn có thể ví như lỗ rốn của con người; từ đầu tới rốn có ba phần: đầu, cổ và ngực tượng trưng cho ngày Chủ Nhật, Thứ Hai và Thứ Ba; từ rốn tới bàn chân có: bụng, hán và bắp chân tượng trưng cho ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy. Người Chàm còn quan niệm thêm rằng: từ lỗ rốn trở lên đầu đối với người chồng có thiên chức như người cha, đối với người vợ có thiên chức người mẹ, còn từ rốn trở xuống đến bàn chân người đàn ông mới hẳn là người chồng và người đàn bà mới hẳn là người vợ. Ngoài ra, giữa hai vợ chồng thường thường xưng hô với nhau bằng “mày tao” mặc dầu chồng lớn hơn vợ nhiều tuổi, hoặc ngược lại cũng chỉ xưng hô với nhau như vậy. So sánh ngày Thứ Tư giữa tuần, cái rốn nằm ở trung tâm điểm của thân thể cùng lối xưng hô giữa hai vợ chồng, ta thấy người Chàm có bình đẳng một cách quá rõ rệt.

Còn việc chọn Tháng Ba, thuận về lúa tức tháng bắt đầu công việc cấy bừa, gieo cấy; Tháng Sáu, thuận về tài sản

Nghiên cứu

được tập trung, có nghĩa là mùa gặt lúa ba tháng và bắt đầu cày gieo mùa thứ hai trong năm; Tháng Mười, thuộc về phát tài to lớn, tức tháng mùa gặt hái mùa lúa chính; và Tháng Mười Một, thuận về hưng thịnh, mùa gặt hái hoàn toàn và mọi công tác khác đều đã thu hoạch xong xuôi.

Tóm lại, người Chăm chọn thời gian làm lễ cưới, một phần lệ thuộc vào kinh tế nông nghiệp, lấy mùa gieo hạt giống làm tiêu biểu cho sự kết hợp và lấy mùa gặt hái làm tiêu biểu cho sự thành tựu; một phần lệ thuộc vào các biểu tượng nhiên nhiên, theo thuyết Âm Dương./-

Lịch sử Trường Trung Học Pô Klong

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 5 - 7

ƯỚC VỌNG

Trường Trung Học Pô Klong thành lập vào năm 1965. Ngày khai giảng đầu tiên là 01. 10. 1965.

Lúc đầu trường mang tên Trung Học An Phước, chỉ có một lớp đệ thất (lớp bảy) được thiết lập tại ấp BẦU TRÚC (làng Vĩnh Thuận) thuộc quận An Phước, tỉnh Ninh Thuận. Lớp tân lập này học nhờ một phòng của Trường Tiểu Học BẦU TRÚC. Giáo sư lúc bấy giờ hoàn toàn thiếu thốn. Vị quản đốc phải bao thầu dạy đủ các môn.

Đến tháng 2 năm 1966, Trường được dời về đặt tại quận lỵ An Phước (gần cầu móng Tháp Chàm) cho thuận tiện sinh hoạt. Tại đây, năm đầu trường cũng chỉ mượn ngôi nhà “Thanh niên” quận thiết lập tạm phòng học. Qua năm sau, Trường Tiểu Học Phú Nhuận dời về trường mới ở ấp, nhường ngôi trường cũ lại cho Trường Trung Học An Phước. Từ đó, mới tạm phòng ốc để học.

Cũng trong thời gian này, nhờ sự giúp đỡ của chính quyền, quân lực đồng minh và đoàn Thanh Niên Thiện Chí Chàm, nhà trường thiết lập được một ký túc xá tự túc cho học sinh. Bộ Phát Triển Sắc Tộc đã hợp thức hóa thành

Nghiên cứu

KTX công lập vào năm 1969, và đổi tên thành KTX Pô Klong theo danh xưng của trường.

Tiếp đến tháng 2 năm 1970, vì tình hình an ninh tại địa điểm cũ không được bảo đảm, một lần nữa, nhà trường lại được chính quyền Tỉnh cho phép dời về thị xã Phan Rang, đặt trong khuôn viên Khu Sắc Tộc Ninh Thuận. Sự việc này được Bộ Giáo Dục chấp nhận trên văn thư số 3497 GD/TGTT ngày 9. 5.1970.

Qua tháng 2 năm 1971, Bộ Giáo Dục chính thức cho đổi tên Trường Trung Học An Phước thành Trường Trung Học Pô Klong (NĐ Số 202/KH/PC/NĐ ngày 15. 2.1971) theo thỉnh cầu của đồng bào sắc tộc địa phương.

Tưởng cũng nên nhắc thêm: Trường Trung Học Pô Klong đã được hợp thức hóa thành trường trung học đệ nhất cấp kể từ năm 1969 tức là 5 năm sau ngày thành lập (NĐ số 545-GDTN/PC/NĐ ngày 31. 03. 69).

Khi mới dời về Phan Rang, trường chỉ dạy tạm tại các căn nhà Ty PTST, ký túc xá và những dãy nhà gỗ do chính học sinh tự xây cất lấy. Mãi đến đầu năm 71 với sự đóng góp của đồng bào sắc tộc cùng sự hỗ trợ của chính quyền địa phương và trung ương, nhà trường xây được 5 phòng đúc. Cuối năm 72, hội phụ huynh học sinh xây thêm 3 phòng trệt, giúp giải quyết phần nào nạn khan thiếu phòng học của trường. Trong tài khóa 1973, nhà trường được Bộ Giáo Dục trợ cấp thêm 4 triệu rưỡi để xây nốt 5 phòng lầu. Công tác đã khởi tiền từ tháng 4 và sẽ hoàn tất vào cuối tháng 5/ 1973 này.

Như vậy, kể từ ngày ra đời đến nay, Trường Trung Học Pô Klong mới có cơ sở chính thức khang trang và vững chắc.

Nói về phát triển lớp, người ta phải công nhận rằng Trường Trung Học Pô Klong phát triển hơi chậm so với các trường bạn trong tỉnh. Sau 9 năm trường thành và 8 niên khóa hoạt động. Trường chỉ mới [có] 10 lớp đệ nhất cấp: 3 sáu, 3 bảy, 2 tám, 2 chín với tổng số học sinh khoảng 500 người. Tình trạng thay đổi địa điểm nhiều lần cùng sự thiếu thốn phòng ốc dai dẳng đã ảnh hưởng rất nhiều đến sự phát

Nghiên cứu

triển chậm chạp của trường.

- Với một lịch sử ngắn ngủi, trường cũng đã thay đổi 3 vị cấp điều khiển:

*Ô. Thành Phú Bá, quản đốc từ 1965 đến 1970.

*Ô. Lưu Quang Sang, hiệu trưởng từ 1970-1971.

*Ô. Nguyễn Văn Tỷ, hiệu trưởng từ 1971, và đương nhiệm.

Nói tóm lại, Trường Trung Học Pô Klong ra đời không gặp “số hên” lắm. Nó trải qua nhiều giai đoạn gian nan. Hơn 3 lần dời địa điểm với cảnh sống nhờ sống kế: suốt 7 năm trường, thiếu thốn mọi phương diện. Tuy nó vẫn cố vươn lên, vươn lên bằng ý chí và nghị lực. Chặn đường nhọc nhằn, cơ cực như đã vượt qua. Với thân xác rã rỏi, khuôn mặt rạn rở đầy niềm tin hiện nay, người ta mong ước nó sẽ thuận buồm xuôi gió trên chặn đường tương lai.

Vài nét về dân tộc Chăm

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 43 - 45

Lưu Thị Ngon

Chàm ngày nay chỉ còn là hình bóng của một dân tộc xưa kia đã từng có một văn minh và đã từng chiếm lĩnh một khu vực khá rộng gần khắp miền Trung Việt và một vùng đất Nam Việt. Họ đã từng là một quốc gia oanh liệt Nước Chiêm Thành.

Ngày nay trong các vùng xưa kia, Chiêm Thành còn lại rất nhiều di tích chứng minh nền văn minh cổ của người Chàm, một nền văn minh chịu ảnh hưởng rất nhiều nền văn minh Ấn Độ, trong kiến trúc cũng như trong văn tự.

Những di tích Chàm còn nói lên sự phồn thịnh giàu mạnh của quốc gia Chiêm Thành, xưa kia là vua chúa thiết lập được những lâu đài cung điện nguy nga tráng lệ vào bậc

Nghiên cứu

nhất Á Đông, như thành Trà Kiệu, thành Mĩ Sơn, thành Chà Bàn ở tỉnh Quảng Nam, Tháp Pô Ina Nagar, và Tháp Pô Klông Girai tục gọi là Tháp Chàm mà ngày nay phần đông người Chàm sinh sống và lạc nghiệp tại đây. Cứ mỗi năm vào tháng chín (dương lịch) họ có một cái lễ gọi là Katê: Những thầy Cả, thầy Xế, bà Bống... đều có mặt ở đây. Các lâu đài cung điện cũ còn đó, dân tộc Chàm còn đây, tuy ngày nay bánh xe thời gian tàn phá nhưng những gì còn lại cũng đủ cho người ta nhìn thấy lịch sử vẻ vang của vương quốc Chiêm. Những di vật của vua chúa Chàm còn lại một vài chiếc mũ vàng, một vài món trang sức hay khí giới đều là những vật có mỹ thuật thời đại xưa. Những tháp Chàm chính là những lâu đài được xây riêng biệt, hẹp và cao, trên những núi đất nhỏ mà từ dưới đồng bằng nhìn lên như những cổ miếu Cao Miên, gạch xây đỏ chói và cứng rắn lại mang những nét chạm trổ công phu những đường thẳng, đường ngang trong và ngoài tháp đều cân đối.

Văn minh Chàm xưa kia như vậy, mà ngày nay người Chàm lại sống trong những thôn ấp lụp xụp, có ai nghĩ rằng những thôn ấp ấy lại chính là những di sản của một nền kiến trúc cao đẹp đã xây lên những lâu đài nguy nga tráng lệ của vương quốc Chiêm Thành không?

Tuy sống chung với người Việt Nam gần 3 thế kỷ, nhưng người Chàm vẫn giữ phong tục tập quán riêng biệt của họ. Về việc cưới gả họ theo chế độ mẫu hệ, con gái được đi cưới con trai, hôn lễ được cử hành bên vợ, chế độ này vẫn được duy trì đến ngày hôm nay. Tôn giáo chánh của họ là Bà-La-Môn tuy nhiên vẫn có một số ít người vẫn theo tôn giáo khác.

Về phương diện nhân loại cũng như văn hóa, người Chàm thuộc giống Indonesien có điểm thêm một vài sắc thái Tây Phương có lẽ do sự hòa hợp với giống người miền Nam Ấn Độ. Mặc dù văn hóa khác biệt người Việt Nam, người Chàm cũng có một phần pha giống người Mông Cổ, người ta nói đây là một dân tộc nằm theo ranh giới phân chia giống da ngăm ngăm và giống da vàng.

Nghiên cứu

Cách ăn mặc của họ: những cô Chiêm nữ mặc xà rong, con trai mặc âu phục như người Kinh, tuy nhiên về những ngày lễ tất cả đều mặc y phục dân tộc.

Họ cũng khai thác những đám rừng bao la của họ, những hương trầm của họ được ưa thích trên thị trường. Người Chăm sống đa số về nghề nông, vì thế quanh thôn ấp của họ đầy những cánh đồng bao la bát ngát. Người Chăm cũng rất tinh xảo về thủ công nghệ họ dệt chiếu bằng lá dừa, và vấn dây thừng dây luộc rất khéo, nhất là nghề đồ gốm và dệt vải lụa (ở Ninh Thuận, Mĩ Nghiệp) đang lưu truyền đến ngày nay.

Một số kho tàng còn lưu lại của nhiều vị vua, những kỹ vật bằng vải, bông hoa rất đặc sắc, những đường chỉ vàng tạo thành những hình vẽ phức tạp chứng tỏ một lối kỹ thuật tinh vi của dân tộc Chăm.

Lịch sử Chăm không được nhiều người biết cận kề vì trong sách cũng như trong văn học sử không được ghi chép rõ ràng lắm, qua mười mấy thế kỷ lập quốc, rồi lớn mạnh, rồi suy vong. Họ chẳng người ta còn nhớ đến hình ảnh mù mờ của một Chế Bồng Nga vũ dũng, hoặc câu chuyện tình của một Huyền Trân công chúa từ Đại Việt được đem sang đất Chiêm Thành.

Người ta cũng không lấy gì làm ngạc nhiên khi ngay cả thế hệ thanh niên Chăm mới trưởng thành sau này mang tiếng là gốc Chăm, vẫn còn nói tiếng Chăm, sống trên quê hương với cha mẹ từ thuở bé, nhưng có ai hỏi về lịch sử Chăm thì cũng chẳng biết đưa ra một vấn đề gì đáng kể về lịch sử dân tộc mình cả, ngoài những câu chuyện cổ ngày càng mang nặng chi tiết hoang đường do các bô lão kể lại. Trong lúc mọi sự ghi chép, hay lưu truyền, chỉ có giá trị khách quan mới vĩnh cửu...

(viết theo tài liệu Dorohiem và Cửu Long Giang...)

Nghiên cứu

Trang màu trắng
(white page)